

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
---□□□---



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

Ngành: BẢO HIỂM

Mã số: 7340204

Hà Nội - 2022

MỤC LỤC

ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NGÀNH BẢO HIỂM

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	3
1.1 Giới thiệu khái quát về Nhà trường và Khoa Tài chính Ngân hàng.....	3
1.1.1 Khái quát về Nhà trường	3
1.1.2 Khái quát về Khoa Tài chính Ngân hàng	6
1.2. Sự cần thiết xây dựng đề án đào tạo ngành Bảo hiểm.....	9
1.2.1 Phù hợp với chiến lược phát triển thị trường Bảo hiểm của Việt Nam.....	9
1.2.2 Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành Bảo hiểm của thị trường nhân lực hiện nay	11
1.2.3 Phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.	12
1.3. Kết quả khảo sát, phân tích đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tài chính Ngân hàng.....	13
PHẦN 2. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	15
2.1. Năng lực của khoa chuyên môn và các điều kiện cơ sở vật chất của Nhà Trường..	15
2.1.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học	15
2.1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị.....	22
2.1.3 Hệ thống thư viện, giáo trình.....	24
2.1.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.....	34
2.2. Tóm tắt chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm và kế hoạch đào tạo.	86
2.3. Bảng so sánh chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm với CTĐT ngành Bảo hiểm của các cơ sở đào tạo khác	123
PHẦN 3. ĐỀ NGHỊ CAM KẾT VÀ THỰC HIỆN	131
PHỤ LỤC MINH CHỨNG KÈM THEO	Error! Bookmark not defined.

ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NGÀNH BẢO HIỂM

Tên ngành : Bảo hiểm
Mã số : 7340204
Trình độ đào tạo : Đại học

Kính gửi: Hội đồng Khoa học & Đào tạo Nhà trường

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu khái quát về Nhà trường và Khoa Tài chính Ngân hàng

1.1.1 Khái quát về Nhà trường

- Tên trường: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
- Tên giao dịch tiếng Anh: University of Economics – Technology for Industries
- Địa chỉ:

+ Cơ sở Hà Nội: Số **456 Minh Khai**, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Số điện thoại: (024)38621504. Fax: (024) 38623938; **218, Lĩnh Nam**, Hoàng Mai, Hà Nội. Số điện thoại: (024)32247103.

+ Cơ sở Nam Định: Số **353, Trần Hưng Đạo**, TP Nam Định. Số điện thoại: (0228) 3848706. Fax: (0228) 3845745; **Mỹ Xá**, TP Nam Định. Số điện thoại: (0228) 3672559

- Website: www.uneti.edu.vn
- E-mail: web@uneti.edu.vn
- Quyết định thành lập số: 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007.

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (tên tiếng Anh là University of Economics – Technology for Industries) là đơn vị giáo dục đào tạo trực thuộc Bộ Công Thương, có tiền thân là Trường Trung cấp kỹ thuật III thành lập năm 1956, sau đó được nâng cấp lên đại học tại Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp I.

Với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có khả năng ứng dụng nghề nghiệp sát với thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành Công Thương

và cả nước, qua 65 năm xây dựng và trưởng thành, trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã trở thành một trong những trường trọng điểm của Bộ Công Thương, là cái nôi đã và đang đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa nghề, đa bậc học, góp phần đào tạo bồi dưỡng hàng chục ngàn lượt cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cho nhiều cơ quan, doanh nghiệp. Nhà trường cũng đã tiến hành hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất với nhiều trường đại học trong và ngoài nước.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được xây dựng theo quy định của Bộ công thương, Bộ GD&ĐT, Điều lệ trường đại học, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, bao gồm 08 phòng (ban), 14 khoa, 05 trung tâm và được vận hành theo kiểu trực tuyến - chức năng. Lực lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên được phát triển không ngừng cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường là 656 người, trong đó có 601 giảng viên với cơ cấu theo thâm niên công tác và độ tuổi hợp lý, được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quy định đối với trường đại học.

Hiện nay, Trường đang đào tạo 15 ngành ở trình độ đại học hệ chính quy bao gồm: Công nghệ sợi, dệt; Công nghệ may; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Cơ điện tử; Công nghệ thông tin; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính ngân hàng và Kinh doanh thương mại; Tiếng Anh. Từ năm 2018 – 2019 nhà trường đã được Bộ Giáo dục Đào tạo cho phép đào tạo Thạc sĩ.

Bảng 1.1. Các ngành đào tạo và trình độ đào tạo của Trường.

TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO VÀ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO		
	THẠC SĨ	ĐẠI HỌC	CAO ĐẲNG
1. <u>Công nghệ sợi, dệt</u>	-	7540202	6540201
2. <u>Công nghệ dệt, may</u>	-	7540204	6540204
3. <u>Công nghệ thực phẩm</u>	8540101	7540101	6540103
4. <u>Công nghệ thông tin</u>	-	7480201	6480201
5. <u>CNKT điều khiển và TĐH</u>	-	7510303	6510305
6. <u>CNKT điện, điện tử</u>	-	7510301	6510303

7. <u>CNKT điện tử - viễn thông</u>	-	7510302	6510312
8. <u>CNKT cơ khí</u>	-	7510201	6510201
9. <u>Kế toán</u>	-	7340301	6340301
10. <u>Quản trị kinh doanh</u>	-	7340101	6340404
11. <u>Tài chính – Ngân hàng</u>	-	7340201	6340202
12. <u>Kinh doanh thương mại</u>	-	7340121	-
13. <u>Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu</u>	-	7480102	-
14. <u>CNKT cơ điện tử</u>	-	7510203	-
15. Tiếng Anh			

Chương trình đào tạo (CTĐT) của Nhà trường được xây dựng căn cứ trên các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT, có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp. CTĐT đảm bảo tính liên thông dọc và liên thông ngang, định kỳ được điều chỉnh bổ sung theo chuẩn đầu ra để phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước. 100% CTĐT được thực hiện dưới hình thức học chế tín chỉ.

Hiện tại, số sinh viên đang theo học tại trường khoảng **25000** người. Tỷ lệ sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp có việc làm đúng ngành nghề đào tạo chiếm trên **80%**.

Cơ sở vật chất của Nhà trường hiện nay bao gồm 4 địa điểm làm việc, giảng dạy, thực hành/thực tập với tổng diện tích xấp xỉ 29 ha; trong đó có 223 phòng học với tỷ lệ 1.72 m²/1SV, 89 phòng thực hành/thí nghiệm. Trường tích cực đầu tư kinh phí để trang bị các thiết bị tại các phòng thực hành với các loại máy móc hiện đại; hệ thống máy tính của trường đã được nối mạng ADSL, wireless đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo và công tác quản lý điều hành. Hệ thống trang thiết bị có khoảng 800 máy vi tính, trên 300 máy móc thiết bị các loại phục vụ thực tập thí nghiệm, quản lý điều hành phục vụ các công việc nghiệp vụ khác.

Thư viện nhà trường được bố trí tại 02 cơ sở gồm 6 phòng đọc với hơn 30.000 đầu sách trên tổng diện tích 1893 m², bố trí 500 chỗ ngồi cho người đọc, được kết nối internet và thư viện điện tử với các đơn vị khác. Vì vậy nguồn tài liệu đảm bảo cho cán bộ, giảng viên, sinh viên khai thác để phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Hệ thống mạng nội bộ toàn trường kết nối internet để phục vụ công tác quản lý điều hành, dạy học và nghiên cứu khoa học.

Từ năm 2003 Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là một trong các Trường đã được Bộ chủ quản cho phép hoạt động theo cơ chế tự chủ một phần tài chính theo Nghị định 10/2002/NĐ-CP của Chính phủ, tiếp đó là Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư liên tịch số 07/2009/BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo; Quyết định số 869/QĐ-BCT ngày 05/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định thẩm quyền về tổ chức, biên chế, quản lý cán bộ, viên chức, viên chức đối với các Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Tổng cục, Cục và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.

Đến ngày 08 tháng 05 năm 2017, Thủ tướng chính phủ đã ra quyết định số 618/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp với mục tiêu: phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thành trường đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm bảo đảm các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo có cơ hội học tập tại Trường. Đây chính là cơ hội quan trọng để Trường có điều kiện tiếp tục nâng cấp chất lượng cũng như mở rộng quy mô đào tạo theo định hướng nhu cầu xã hội, từ đó hoàn thành sứ mạng của mình, vươn lên thành một trong những cơ sở đào tạo trọng điểm của cả nước.

1.1.2 Khái quát về Khoa Tài chính Ngân hàng

Khoa Tài chính Ngân hàng tiền thân là Ban Kinh tế của Trường Kỹ thuật công nghiệp nhẹ Nam Định, được thành lập từ năm 1986. Sau các giai đoạn nâng cấp và đổi tên, Khoa Tài chính Ngân hàng được thành lập, trực thuộc Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp theo Quyết định số 274/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 14 tháng 5 năm 2012.

Khoa Tài chính Ngân hàng trường ĐHKTKTCN hiện tại có 45 GV và hai tổ bộ môn:

- 1) Bộ môn Tài chính doanh nghiệp: 25 giảng viên cơ hữu
- 2) Bộ môn Ngân hàng: 20 giảng viên cơ hữu

Khoa Tài chính - ngân hàng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thành lập từ năm 2012 trên cơ sở tách ra từ khoa Kinh tế pháp chế. Kể từ khi thành lập đến nay, với vai trò là đầu mối đào tạo, khoa Tài chính Ngân hàng đã và đang tham gia đào tạo 15 khóa đại học chính quy, 27 khóa cao đẳng chính quy và nhiều khóa đại học liên thông. Lưu lượng sinh viên theo học ngành Tài chính - ngân hàng trong trường khoảng 1.500 - 2000 sinh viên mỗi năm. Sinh viên Khoa Tài chính Ngân hàng được tiếp cận chương trình đào tạo hiện đại, gắn liền giữa lý luận và thực tiễn; Được trang bị các kỹ năng chuyên ngành hoàn toàn do các chuyên gia giảng dạy, do đó, có khả năng và tự tin đảm nhiệm ngay công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp; Được chú trọng phát triển những kỹ năng mềm cũng như phát huy những điểm mạnh của bản thân, thích nghi nhanh và hội nhập với mọi môi trường công tác. 100% sinh viên được Khoa giới thiệu địa điểm học việc, thực tập cuối khóa và cơ hội việc làm sau khi ra trường. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đã tìm được cho mình những vị trí công tác phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và có khả năng thăng tiến cao trong công việc.

Nhiệm vụ chính của Khoa Tài chính Ngân hàng là thực hiện hoạt động giảng dạy trình độ đại học theo chuyên ngành chuyên sâu đồng thời thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học dưới nhiều hình thức khác nhau như: Tham gia các đề tài khoa học cấp nhà nước, cấp ngành, cấp Trường, cấp Khoa; Chủ biên và đồng tác giả các giáo trình chuyên ngành; tham gia hướng dẫn và phản biện luận văn Thạc sĩ; Dịch và biên soạn tài liệu; Viết bài cho các báo và tạp chí chuyên ngành; Tổ chức hội thảo khoa học trong giảng viên, sinh viên... Khoa Tài chính luôn tự hào có đội ngũ giảng viên vững vàng về chuyên môn, tâm huyết với nghề nghiệp, giàu kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước. Đặc biệt Khoa có đội ngũ giảng viên trẻ nhiệt tình, năng nổ, và có tiềm năng phát triển tốt. Tổng số giảng viên trong khoa tính đến tháng 02/2022 là 45 người, 100% cán bộ giảng viên trong khoa có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 6 tiến sĩ (15%), 42 thạc sĩ (85%)

Chương trình đào tạo của khoa Tài chính ngân hàng hàng năm đều được xây dựng và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và phù hợp với điều kiện cũng như xu hướng hội nhập quốc tế. Hướng đến tương lai, Khoa Tài chính Ngân hàng sẽ trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về khoa học tài chính ngân hàng có uy tín ngang tầm với các cơ sở đào tạo đại học trong nước và khu vực châu Á. Cung cấp cho người học môi trường giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học tốt, có tính chuyên môn cao; đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu..... Các kỹ năng nghề nghiệp được lựa chọn đưa vào trong chương trình đào tạo đều dựa trên các khảo sát, đánh giá từ các doanh nghiệp và nền kinh tế ổn định, có tiềm năng phát triển đúng định hướng của Chính phủ và xã hội.

Xác định được nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ trọng tâm của giảng viên bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, tất cả cán bộ, giảng viên thuộc Khoa Tài chính Ngân hàng đều tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu. Ngoài việc đảm bảo định mức, việc tham gia nghiên cứu khoa học còn giúp cho các cán bộ giảng viên của Khoa không ngừng trau dồi kiến thức thực tiễn và năng lực nghiên cứu, ứng dụng vào công tác giảng dạy. Hoạt động nghiên cứu của sinh viên cũng được Khoa quan tâm và chú trọng, có nhiều đề tài do sinh viên tham gia. Từ năm 2017-2020 đã có gần 40 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đăng ký và thực hiện.

Trong năm học 2020-2021, Khoa Tài chính Ngân hàng đã có nhiều bài báo khoa học có chất lượng đăng trên các tạp chí khoa học uy tín cũng như các kỷ yếu hội thảo trong và ngoài nước. Hàng năm, khoa cũng tổ chức nhiều hội thảo khoa học giảng viên và sinh viên, thu hút được sự quan tâm của sinh viên và giảng viên không chỉ của khoa mà còn của Trường.

Trong thời gian tới, Khoa Tài chính Ngân hàng vẫn tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phấn đấu để các công trình nghiên cứu khoa học ngày càng có chất lượng tốt hơn và có tính ứng dụng tốt hơn vào hoạt động giảng dạy nói riêng và ứng dụng vào thực tiễn nền kinh tế nói chung.

Trong thời gian tới Khoa Tài chính Ngân hàng đang chủ trương mở rộng và đổi mới các chương trình đào tạo không chỉ trong phạm vi trong nước mà hướng tới phạm vi quốc tế và khu vực. Trước mắt tăng cường các hoạt động hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về cung ứng các dịch vụ đào tạo đã có, triển khai các chuyên đề mới như mua bán sáp nhập doanh nghiệp, nghiệp vụ thu, tăng cường hợp tác trong nghiên cứu khoa học...

Khoa Tài chính Ngân hàng đã tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường và Trường Đại học Bách khoa Hàn Quốc phối hợp thực hiện. Tháng 6 năm 2019 Khoa cử 03 SV tham gia chương trình trao đổi văn hoá Việt Hàn học tập tiếng Hàn Quốc

Khoa Tài chính Ngân hàng luôn quan tâm đến xây dựng môi trường để sinh viên chủ động học tập và rèn luyện, tạo cơ hội tiếp thu tối đa những kiến thức trong quá trình học và tự học. Khoa có các bộ phận trợ lý, các cố vấn học tập, cùng với Liên Chi đoàn, Liên Chi hội, câu lạc bộ FBC trẻ luôn đồng hành và hỗ trợ các sinh viên trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của mình để hoàn thiện cả về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống khác.

Trong thời gian học tập tại trường, sinh viên của Khoa Tài chính Ngân hàng được trang bị một hệ thống kiến thức khá toàn diện về kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi đạt trên > 70% số sinh viên tốt nghiệp hàng năm, >80% sinh viên ra trường có việc làm ngay trong 6 tháng, >95% có việc làm sau 1 năm.

Khoa Tài chính Ngân hàng luôn vững bước đi lên trong quá trình đào tạo và phát triển cùng với nhiều chuyên ngành tại Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, luôn nỗ lực phấn đấu trở thành một địa chỉ tin cậy của nhiều sinh viên, các tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế.

1.2. Sự cần thiết xây dựng đề án đào tạo ngành Bảo hiểm

1.2.1 Phù hợp với chiến lược phát triển thị trường Bảo hiểm của Việt Nam

Trong đà phát triển của nền kinh tế hiện nay, Bảo hiểm ngày càng chứng minh được vai trò quan trọng của mình đối với đời sống kinh tế xã hội. Vai trò quan trọng của bảo hiểm với tư cách là một loại hình dịch vụ tài chính và là một trong những cơ chế đảm bảo an sinh xã hội trong nền kinh tế quốc dân. Bảo hiểm vận hành giống như một cơ chế chuyển giao rủi ro. Cùng với việc đóng phí bảo hiểm, người được bảo hiểm đã chuyển giao những hậu quả rủi ro về tài chính sang công ty bảo hiểm.

Ngày 28/2/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 242/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”. Đối với thị trường bảo hiểm:

Mục tiêu chung: Phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm an toàn, bền vững, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân, bảo đảm an sinh xã hội; doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, năng lực quản trị điều hành đạt chuẩn mực quốc tế, có khả năng cạnh tranh trong nước và khu vực.

Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân về tổng tài sản, tổng số tiền đầu tư, tổng dự phòng nghiệp vụ, tổng nguồn vốn chủ sở hữu, tổng doanh thu tăng bình quân 20% đến năm 2020 và 15%/năm từ năm 2021 đến năm 2025.

- Đến năm 2020, có 11% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ và năm 2025 là 15% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ.

- Doanh thu phí bảo hiểm bình quân GDP đến năm 2020 tối đa 3%, đến năm 2025 là 3,5%.

- Các sản phẩm bảo hiểm ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu tham gia bảo hiểm khác nhau của mọi tổ chức, cá nhân; công nghệ hiện đại được áp dụng trong mọi hoạt động, lĩnh vực của hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm tạo điều kiện tối đa cho khách hàng tham gia bảo hiểm.

Một trong những đặc điểm của hoạt động kinh doanh bảo hiểm là phí nộp trước, việc bồi thường, chi trả tiền bảo hiểm chỉ được thực hiện khi có sự kiện quy định trong hợp đồng xảy ra. Do vậy, các công ty bảo hiểm có một quỹ tiền tệ tập trung khá lớn. Lượng vốn này sẽ được các công ty bảo hiểm tính toán đầu tư sao cho có hiệu quả bởi lẽ khả năng cạnh tranh của mỗi công ty bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả hoạt động đầu tư. Trên

cơ sở của kết quả đầu tư, các công ty sẽ có điều kiện giảm phí để từ đó thu hút khách hàng, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế. Các tổ chức bảo hiểm đầu tư vào nền kinh tế theo nhiều kênh khác nhau, trong đó có thị trường bất động sản, thị trường vốn và đặc biệt là thị trường chứng khoán.

Xét trên bình diện vĩ mô, bảo hiểm đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Ngoài ra, thông qua đầu tư dưới nhiều hình thức, bảo hiểm còn gián tiếp tạo thêm nhiều việc làm cho các ngành khác. Điều này dựa trên nhận định rằng, bảo hiểm là lĩnh vực mũi nhọn sẽ được ưu tiên phát triển đào tạo để phù hợp với sự phát triển chung của kinh tế xã hội trong cả nước và trên thế giới, phù hợp với khả năng ứng dụng trong các ngành kinh doanh – thương mại.

Trong giai đoạn 2011-2020, tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế tăng trưởng bình quân 18%/năm. Điều này cho thấy thị trường bảo hiểm Việt Nam không chỉ là một công cụ hữu ích bảo vệ tài chính cho các nhà đầu tư, hỗ trợ hầu hết các ngành nghề kinh tế: từ bảo hiểm tài sản, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm tín dụng, bảo hiểm sức khỏe... mà còn được coi là một trong các kênh dẫn vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế. Từ phía chuyên gia và doanh nghiệp bảo hiểm, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện kịp thời các cơ chế chính sách hỗ trợ, từng bước nâng cao tính công khai, minh bạch sẽ góp phần thúc đẩy thị trường phát triển lành mạnh, an toàn, hiệu quả. Những nhóm giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh được Bộ Tài chính triển khai trong thời gian qua đã đem đến những kết quả tích cực cho thị trường bảo hiểm Việt Nam. Thị trường bảo hiểm ngày càng thể hiện được vai trò, vị trí trong nền kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thành công các giải pháp chủ yếu về chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển ngành Bảo hiểm là một bước đi rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo hiểm là xu thế phát triển tất yếu của các ngành kinh tế - xã hội trong thế kỷ 21. Nó cho phép tạo giá trị gia tăng cao, đồng thời bảo vệ được và thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác như: tài chính ngân hàng, kinh doanh thương mại, tài chính quốc tế, tài chính doanh nghiệp, tài chính công, quản lý dự án...

Xem xét mối quan hệ giữa sự phát triển của ngành bảo hiểm trong tương quan chung với sự phát triển của toàn nền kinh tế ở nhiều nước, có thể thấy, cũng như vai trò không thể thiếu của bảo hiểm đối với nền kinh tế. Thực tế cho thấy, sự tồn tại của một thị trường bảo hiểm mạnh là một trong những yếu tố cơ bản của bất cứ nền kinh tế thành công nào. Tác dụng của bảo hiểm thể hiện rõ trên nhiều phương tiện. Ngoài việc giúp bù đắp thiệt hại, khắc phục tổn thất, bảo hiểm còn sử dụng hiệu quả những khoản tiền nhàn rỗi, tạo được nguồn vốn lớn để đầu tư vào các lĩnh vực khác. Cũng nhờ bảo hiểm mà ngân sách

nhà nước hàng năm có nguồn đóng góp không nhỏ, mọi người có được tâm lý an tâm trong kinh doanh, trong cuộc sống, công tác đề phòng và hạn chế tổn thất được tăng cường.

Hoạt động bảo hiểm là một trong những hoạt động có mối quan hệ với nhiều ngành nghề khác nhất. Không những thế, ngày nay hoạt động bảo hiểm không chỉ hướng đến việc phân phối lại về mặt giá trị mà còn hướng đến vai trò xã hội tích cực hơn, trong việc chống lại những hậu quả bất hạnh của cuộc sống. Các chương trình hỗ trợ của bảo hiểm ngày càng phát triển và đa dạng, các hoạt động mang tính chất cộng đồng thể hiện qua việc hỗ trợ tuyên truyền đề phòng hạn chế tai nạn (nhất là tai nạn giao thông), bệnh tật, hỗ trợ các trung tâm phục hồi chức năng cho người tàn tật, hình thành các trung tâm cứu hộ...). Hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ không chỉ thúc đẩy ý thức phòng ngừa rủi ro của tất cả các thành viên trong xã hội mà còn làm giảm thiệt hại về mặt kinh tế, tổn thất giảm đi, đồng thời với giá trị của nền kinh tế tăng lên, mức đóng góp của các thành viên trong quỹ bảo hiểm cũng giảm đi.

Hiện nay, Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng là điểm đến tập trung nhiều tập đoàn kinh doanh Bảo hiểm hàng đầu thế giới như Bảo Việt, AIA, Daiichi, Manulife, Prudential.... Thị trường bảo hiểm đã có sự đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội, như: góp phần thực hiện chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tăng tích lũy tiết kiệm cho nền kinh tế; góp phần hỗ trợ cho các chính sách an sinh xã hội, tạo điều kiện cho người dân có thể tự thu xếp, bảo vệ về mặt tài chính, và được bảo hiểm chi trả bồi thường khi không may xảy ra tai nạn, ốm đau, mà không cần tới sự hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước; bảo vệ tài chính cho các nhà đầu tư, giúp cho các nhà đầu tư yên tâm sản xuất kinh doanh mà không cần sử dụng đến các giải pháp tín dụng và dự phòng tài chính khác; thúc đẩy hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế; góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ.

1.2.2 Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành Bảo hiểm của thị trường nhân lực hiện nay.

Trong đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025” nêu rõ giải pháp phát triển nhân lực ngành Bảo hiểm:

- Nghiên cứu và hướng tới áp dụng khung tiêu chuẩn năng lực phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của thị trường; ban hành các quy định chuẩn hóa chất lượng nguồn nhân lực thông qua hệ thống chứng chỉ chuyên môn phù hợp với khung tiêu chuẩn năng lực; tăng cường công tác đào tạo cán bộ của ngành bảo hiểm.

- Nghiên cứu mô hình thành lập Viện phát triển bảo hiểm trên cơ sở xã hội hóa Trung tâm nghiên cứu đào tạo bảo hiểm (không thành lập tổ chức mới) nhằm thực hiện chức năng đề xuất về mức phí sản, phương pháp định phí bảo hiểm, phương pháp trích lập dự phòng

ng nghiệp vụ, đào tạo nguồn nhân lực tổ chức thi cấp chứng chỉ hành nghề, đóng góp xây dựng cơ chế chính sách.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, quý I-2020, hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt mức tăng cao, ước tính tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 21%, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 8%.

Năm 2020, thị trường bảo hiểm Việt Nam mục tiêu doanh thu phí tăng 18%, đạt 188.730 tỉ đồng. Tổng tài sản tăng 13% lên 514.795 tỉ đồng.

Tại các nước khu vực châu Á, khoảng 20-40% dân số mua bảo hiểm, chi phí cho bảo hiểm từ GDP ở các quốc gia phát triển khoảng 10-15%, trong khi ở Việt Nam số người mua bảo hiểm hiện chiếm chưa đầy 10% dân số, chi phí cho bảo hiểm chỉ chiếm khoảng 2% GDP.

Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, Việt Nam là một trong những thị trường bảo hiểm tăng trưởng nhanh nhất tại châu Á. Do đó, nhu cầu nhân lực trong ngành bảo hiểm được kỳ vọng đẩy mạnh tìm kiếm nguồn lực.

Mặc dù thị trường bảo hiểm liên tục tăng trưởng trong nhiều năm nhưng số lượng nhân sự ngành bảo hiểm tại Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn.

Hiện nay, trên cả nước có khá ít cơ sở đào tạo cử nhân về ngành bảo hiểm, số lượng sinh viên tốt nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp. Đặc biệt, thị trường lao động bảo hiểm lại thiếu một lượng lớn chuyên viên phân tích dữ liệu, tư vấn chính sách bảo hiểm một cách hiệu quả.

Bảo hiểm là môi trường nghề nghiệp của một số lượng lớn lao động. Lao động trong ngành bảo hiểm cùng với các ngành nghề khác tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho cả nền kinh tế, góp phần đáng kể vào tổng GDP của quốc gia (hầu hết các nước có nền kinh tế phát triển đều có tỷ trọng đóng góp của bảo hiểm vào GDP khoảng 6 – 10%).

1.2.3 Phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là trường đại học đã có bề dày 65 năm kinh nghiệm trong đào tạo nguồn nhân lực kinh tế - xã hội, đặc biệt đối cho các ngành then chốt về kinh doanh thương mại, tài chính ngân hàng... Hướng đào tạo nguồn nhân lực cử nhân kinh tế của Trường cũng tập trung chủ yếu vào mục tiêu khai thác, ứng dụng, quản lý, nghiệp vụ đảm bảo cho an toàn xã hội... Vì vậy, đề án mở ngành Bảo hiểm hệ đại học trong thời điểm hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn và trong cả nước với các lợi thế rõ ràng như sau:

- Tận dụng được hệ thống cơ sở vật chất, kinh nghiệm sẵn có trong đào tạo các ngành Tài chính – ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, kinh doanh thương mại, kế toán và quản trị kinh doanh vào đào tạo ngành Bảo hiểm.

- Đáp ứng đúng mục tiêu trong chiến lược phát triển và định hướng trong đào tạo của Trường là đào tạo định hướng nghề nghiệp.
- Đáp ứng đúng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực Bảo hiểm phục vụ phát triển các sản phẩm Bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

Qua khảo sát, phân tích, đánh giá các đặc điểm và ưu thế cũng như nhu cầu của người học về ngành Bảo hiểm; xuất phát từ nhu cầu phát triển thực tế của đất nước, của bản thân Trường, Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp nhận thấy việc đào tạo ngành Bảo hiểm trình độ đại học là cần thiết bởi các lý do sau đây:

1) Giáo dục Việt Nam đang đổi mới cơ bản và toàn diện theo hướng hội nhập sâu rộng và tiếp cận thông tin và tri thức thế giới.

2) Các dịch vụ Bảo hiểm ngày càng đa dạng và phức tạp, nhu cầu học ngành Bảo hiểm để đáp ứng yêu cầu của công việc trong thời kỳ hội nhập giai đoạn hiện nay vẫn là một nhu cầu rất lớn.

Về phía năng lực đào tạo, Trường có những thế mạnh sau đây:

3) Trường có đội ngũ giảng viên vững mạnh về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo, trong đó có đủ giảng viên cơ hữu có trình độ từ tiến sĩ trở lên tham gia giảng dạy 70% khối lượng chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, Trường cũng có một lực lượng giảng viên thỉnh giảng đủ bằng cấp và kinh nghiệm.

4) Trường đã có quá trình và kinh nghiệm đào tạo chuyên ngành kinh tế trong hơn 15 năm.

5) Trường đã chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mở ngành Bảo hiểm.

6) Trường đã tự chủ theo Quyết định số 618/QĐ-TTg ngày 08 tháng 05 năm 2017 về việc Phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

7) Khoa Tài chính Ngân hàng đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo theo quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8) Trong quá trình hoạt động Trường và khoa luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy chế và đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm đào tạo.

Từ các lý do trên, Khoa Tài chính Ngân hàng lập đề án đề nghị Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp cấp phép mở ngành đào tạo Bảo hiểm trình độ đại học.

1.3. Kết quả khảo sát, phân tích đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Tài chính Ngân hàng

Để bổ sung cơ sở cho việc xác định nhu cầu mở ngành đào tạo Bảo hiểm tại Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, Khoa Tài chính Ngân hàng đã tiến hành khảo sát

các đối tượng liên quan khác nhau 75 giảng viên, chuyên gia, cán bộ quản lý, 25 doanh nghiệp, hiệp hội xã hội nghề nghiệp; 150 sinh viên,... Các nội dung khảo sát tập trung vào xác định nhu cầu tuyển dụng nhân lực được đào tạo về ngành Bảo hiểm từ các doanh nghiệp, các kiến thức, kỹ năng cần thiết để đáp ứng các vị trí việc làm tại doanh nghiệp, định hướng nghề nghiệp cũng như hiểu biết và nhu cầu theo học ngành Bảo hiểm.

Tổng số phiếu phát đi tất cả 250 phiếu khảo sát cho các đối tượng liên quan tới việc đánh giá nhu cầu nhân lực ngành Bảo hiểm đại diện cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và các cơ sở đào tạo bảo hiểm. Kết quả chúng tôi thu về được 200 phiếu khảo sát trong đó:

Trong số 200 phiếu khảo sát thì có 100% các đối tượng liên quan được hỏi đồng ý với kế hoạch mở ngành đào tạo đại học Bảo hiểm của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp theo định hướng ứng dụng. 100% ý kiến cho rằng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Bảo hiểm sẽ tăng trong tương lai. Có 100% doanh nghiệp được khảo sát cho biết họ đang rất cần tuyển dụng lao động có nền tảng kiến thức vững vàng, có nghiệp vụ thành thạo, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm tốt, bởi vì hằng năm sau khi tuyển dụng mới, các doanh nghiệp này thường phải mất trung bình từ 03 tháng đến 01 năm để đào tạo lại nhân lực đáp ứng yêu cầu công việc.

Kết quả khảo sát cho thấy:

STT	Đối tượng khảo Sát	Số lượng Phiếu khảo sát hợp lệ	Số lượng Phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành Tài chính Ngân hàng (*)	Tỷ lệ % Phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành Tài chính ngân hàng	Số lượng Phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch đào tạo ngành Bảo hiểm của Trường ĐHKTKTCN (**)	Tỷ lệ % Phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch đào tạo ngành Bảo hiểm của Trường ĐHKTKTCN	Ghi chú
-----	--------------------	--------------------------------	---	--	---	---	---------

1	Chuyên gia	10	10	100%	10	100%	
2	Giảng viên	50	50	100%	50	100%	
3	Doanh nghiệp	10	10	100%	10	100%	
4	Cựu sinh viên	125	125	100%	125	100%	
5	Các tổ chức nghề nghiệp XH	05	05	100%	05	100%	
Tổng cộng		200	200		200		

Ghi chú: (*): Tổng hợp từ các câu hỏi khảo sát số 9 – 15 trong Phiếu khảo sát

(**): Tổng hợp từ các câu hỏi khảo sát số 16 – 18 trong Phiếu khảo sát

PHẦN 2. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Năng lực của khoa chuyên môn và các điều kiện cơ sở vật chất của Nhà Trường.

2.1.1. *Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học*

Danh sách GV, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong CTĐT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
Giảng viên mở ngành							
1	TS.Phùng Thị Lan Hương	1975	Trưởng khoa	Tiến sĩ	TCNH	Tài chính doanh nghiệp Tiểu luận 2	
2	TS.Vũ Thị Thục Oanh	1982	Phó trưởng khoa	Tiến sĩ	TCNH	Phân tích TCDN bảo hiểm Thực tập phân tích TCDN bảo hiểm	
3	TS.Đặng Hương Giang	1982	Trưởng Bộ môn	Tiến sĩ	TCNH	Thị trường công cụ phái sinh	
4	TS.Nguyễn Ngọc Hải	1990		Tiến sĩ	TCNH	Tài chính công	
5	TS.Trần Đức Cân	1963	Phó Hiệu trưởng	Tiến sĩ	TCNH	Tài chính công	
Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy ngành đăng ký							
6	TS.Đường Thị Thanh Hải	1973		Tiến sĩ	TCNH	Đầu tư tài chính Thực tập cuối khóa	
7	ThS.Nguyễn Thị Hệ	1982		Thạc sĩ	TCNH	Tài chính tiền tệ	
8	ThS.Đỗ Thị Kim Thu	1983		Thạc sĩ	TCNH	Định giá tài sản Thẩm định tín dụng	

9	ThS. Phạm Thị Phương Thảo	1982		Thạc sĩ	TCNH	Ngân hàng thương mại	
10	ThS. Trần Thị Thùy Linh	1987		Thạc sĩ	TCNH	Tài chính tiền tệ Tài chính DN	
11	ThS. Đỗ Mỹ Dung	1989		Thạc sĩ	TCNH	Ngân hàng thương mại	
12	ThS. Vũ Thành Long	1989		Thạc sĩ	TCNH	Định phí bảo hiểm	
13	ThS. Phạm Đức Tài	1987		Thạc sĩ	TCNH	Nguyên lý bảo hiểm	
14	ThS. Trương Ngọc Chân	1988		Thạc sĩ	TCNH	Định giá bảo hiểm Bảo hiểm phi nhân thọ	
15	ThS. Ngô Hoài Nam	1989		Thạc sĩ	TCNH	Nguyên lý bảo hiểm Bảo hiểm xã hội Thực tập Bảo hiểm xã hội	
16	ThS. Đỗ Thị Thu Quỳnh	1989		Thạc sĩ	TCNH	Ngân hàng thương mại Thực tập NHTM	
17	TS. Lê Nguyễn Diệu Anh	1987		Tiến sĩ	Kinh tế	Thẩm định tín dụng	
18	ThS. Vũ Thị Anh	1990		Thạc sĩ	TCNH	Phân tích TCDN bảo hiểm Thực tập phân tích TCDN bảo hiểm	

19	ThS.Nguyễn Ngọc Anh	1990		Thạc sĩ	TCNH	Thẩm định tín dụng	
20	ThS.Trần Thị Ngọc Anh	1990		Thạc sĩ	TCNH	Bảo hiểm nhân thọ Thực tập BH nhân thọ	
21	ThS.Lê Phương Hoa	1991		Thạc sĩ	TCNH	Bảo hiểm hàng hải Thực tập Bảo hiểm hàng hải	
22	ThS.Trần Thị Hoa	1990		Thạc sĩ	TCNH	Tài chính doanh nghiệp An sinh xã hội	
23	ThS.Vũ Thanh Hương	1983		Thạc sĩ	TCNH	Phân tích TCDN bảo hiểm Thực tập Phân tích TCDN bảo hiểm	
24	ThS.Trần Xuân Huy	1990		Thạc sĩ	TCNH	Bảo hiểm nhân thọ Thực tập BH nhân thọ	
25	ThS.Ngô Thanh Loan	1988		Thạc sĩ	TCNH	Thị trường chứng khoán	
26	ThS.Phạm Thị Ngọc Mai	1990		Thạc sĩ	TCNH	Thẩm định tín dụng	
27	ThS.Nguyễn Thị Mai	1990		Thạc sĩ	TCNH	Thị trường công cụ phái sinh	
28	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	1990		Thạc sĩ	TCNH	Thị trường chứng khoán	

29	ThS.Đoàn Thị Nguyệt	1989		Thạc sĩ	TCNH	Quản trị rủi ro bảo hiểm	
30	ThS. Hoàng Thúy Phương	1990		Thạc sĩ	TCNH	Ngân hàng thương mại Thực tập NHTM	
31	ThS. Trương Thị Thảo	1989		Thạc sĩ	TCNH	Tài chính tiền tệ Tiểu luận 1	
32	ThS. Nguyễn Thị Kim Thoa	1989		Thạc sĩ	TCNH	Tài chính DN Thực tập TCDN	
33	ThS. Lý Thị Thúy	1990		Thạc sĩ	TCNH	Tài chính tiền tệ	
34	ThS. Nguyễn Thị Tĩnh	1990		Thạc sĩ	TCNH	Bảo hiểm thương mại	
35	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang	1990		Thạc sĩ	TCNH	Bảo hiểm phi nhân thọ An sinh xã hội	
36	ThS.Lê Minh Trang	1990		Thạc sĩ	TCNH	Tài chính quốc tế Tái bảo hiểm	
37	ThS.Đặng Thu Trang	1989		Thạc sĩ	TCNH	Tài chính DN Tái bảo hiểm	
38	ThS.Phạm Thị Thu Hà	1990		Thạc sĩ	TCNH	Bảo hiểm thương mại	
39	ThS.Phạm Thị Diệu Phúc	1987		Thạc sĩ	TCNH	Tài chính quốc tế	
40	ThS.Trần Thanh Phúc	1985		Thạc sĩ	TCNH	Bảo hiểm xã hội	

						Thực tập Bảo hiểm xã hội	
41	ThS. Nguyễn Hong Yến	1984		Thạc sĩ	TCNH	Bảo hiểm hàng hải Thực tập Bảo hiểm hàng hải	
42	ThS. Trần Ngọc Vân	1989		Thạc sĩ	TCNH	Thị trường chứng khoán	
43	ThS. Vũ Thị Kim Thanh	1990		Thạc sĩ	TCNH	Tiểu luận 2	
44	ThS.Đoàn Phương Ngân	1990		Thạc sĩ	TCNH	Quản trị rủi ro bảo hiểm Tiểu luận 1	
45	ThS.Vũ Thị Bích Hảo	1990		Thạc sĩ	TCNH	Tài chính tiền tệ	
46	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thúy	1990		Thạc sĩ	TCNH	Ngân hàng thương mại	
47	ThS.Trần Thị Kim Liên	1975	Kế toán trưởng	Thạc sĩ	TCNH	Tài chính tiền tệ	
48	ThS.Lê Mạnh Thắng	1977	Trưởng phòng CTSV	Thạc sĩ	TCNH	Tài chính DN	
49	ThS.Trần Thị Thanh Hương	1975	Phòng DBCL	Thạc sĩ	TCNH	Tài chính DN	

Danh sách GV, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia đào tạo các học phần trong CTĐT

T T	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
--------	-----------	-------------	------------	--------------------	---------------------------	---------------------------------------	------------

				vị, năm phon g			
1	PGS.TS Vũ Văn Tùng	1971	Trưởng khoa	PGS TS	Kinh tế	Tài chính DN	
2	TS.Nguyễn Thị Mai Chi	1980	Giảng viên	TS	Kinh tế	Định phí bảo hiểm	
3	TS.Nguyễn Thị Luyên	1975	Phó ban Nghiên cứu cải cách và PT DN	TS	TCNH	Định giá tài sản	
4	TS.Nguyễn Thị Phương Dung	1982	Giảng viên	TS	Kế toán	Phân tích TCDN bảo hiểm	
5	TS.Nguyễn Thị Gấm	1982	Phó phòng	TS	TCNH	Ngân hàng thương mại	

Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

Số TT	Học và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	TS.Phùng Thị Lan Hương, 1975, Trưởng khoa	2013	Kinh tế / TCNH	
2	TS.Vũ Thị Thục Oanh, 1982, Phó trưởng khoa	2019	Kinh tế / TCNH	
3	TS.Đặng Hương Giang, 1982, Trưởng Bộ môn	2018	Kinh tế / TCNH	
4	TS.Nguyễn Ngọc Hải, 1990, Giảng viên	2020	Kinh tế / TCNH	

Số TT	Học và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
5	TS.Trần Đức Cân, 1963, Phó Hiệu trưởng	2013	Kinh tế / TCNH	

2.1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

a) Cơ sở vật chất chung của trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy)

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần		
1	Văn phòng	2	115	Máy tính	5	Tất cả các học phần		
				Máy in	2			
				Quạt cây	2			
				Quạt treo tường	2			
				Hệ thống điều hòa	2			
2	Phòng học	40	52m	Máy tính bảng	1	Tất cả các học phần		
				Bàn ghế	24			
				Tivi TCL 60"	1			

				Quạt treo tường	2			
				Quạt trần	2			
3	Phòng học đa năng (Cơ sở Hà Nội)	10 máy tính HP Pro_600G3 (2018)	150m	Bảng biểu, VPP	50	Tất cả các học phần thực hành, thực tập		
				Loa và micro	0			
				Tivi TCL 60"	1			
				Quạt treo tường	2			
				Hệ thống điều hòa	2			
4	Phòng học đa năng (Cơ sở Nam Định)	10 máy tính HP Pro_600G3 (2018)	300m	Bảng biểu, VPP	50	Tất cả các học phần thực hành, thực tập		
				Quạt công nghiệp	2			
				Tivi TCL 60"	1			
				Loa và micro	0			
				Hệ thống điều hòa	2			

b) Cơ sở vật chất của Khoa Tài chính Ngân hàng

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
-------	--	----------------------------	----------	-------------------------------	----------------------------	---------

1	Máy tính phục vụ công tác văn phòng		05	Tất cả các học phần		
2	Máy in Laser HP phục vụ văn phòng		02	Tất cả các học phần		
3	Máy tính bảng	Đông Nam Á	10	Tất cả các học phần		
4	Tivi	Việt Nam	40	Tất cả các học phần		
5	Bàn giáo viên	Việt Nam	40	Tất cả các học phần		
6	Bàn học sinh	Việt Nam	800	Tất cả các học phần		
7	Bảng biểu quy trình thực hành	Việt Nam	50			
8	Công cụ, dụng cụ, VPP phục vụ thực hành	Việt Nam	15			

2.1.3 Hệ thống thư viện, giáo trình

a) Thư viện

Diện tích thư viện: 1564 m²; Diện tích phòng đọc: 700 m²

- Số chỗ ngồi: 336;

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 10

- Phần mềm quản lý thư viện: Ilib 5.0

- Thư viện điện tử: Có;

Số lượng sách, giáo trình điện tử: 61323 bản (Thư viện liên kết)

Thư viện Nhà trường được bố trí ở cả 3 cơ sở Minh Khai, Lĩnh Nam và Nam Định với tổng diện tích 1.564 m², có 336 chỗ ngồi đọc, hiện tại có 12.676 đầu tài liệu với 61.323 bản (bao gồm giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng Việt, sách tiếng nước ngoài,...) trong đó tài liệu phục vụ cho ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành với khoảng 4.235 đầu sách và 30.353 bản sách bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Các dữ liệu về hoạt động, nguồn học liệu của Thư viện được theo dõi thông qua phần mềm và hệ thống sổ về mượn trả tài liệu.

Thư viện Nhà trường được kết nối internet và liên kết nguồn tài liệu điện tử với các đơn vị khác như: Thư viện cục Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN; Thư viện Tạ Quang Bửu của ĐH Bách Khoa. Vì vậy, nguồn tài liệu đảm bảo cho cán bộ, giảng viên, sinh viên khai thác để phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

- Mạng wifi dành riêng cho Thư viện: không hạn chế số lượng máy tính truy cập.
- Phần mềm quản lý thư viện: Kipos
- Thư viện điện tử: lib.uneti.edu.vn

b) Sách, giáo trình, TLHT

Danh mục giáo trình của ngành Tài chính Ngân hàng

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả/ Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1	Giáo trình những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ GDĐT	<u>NXB Chính trị quốc gia - Sự thật</u>	Việt Nam / 2016	7	Mác – Lê nin
2	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ GDĐT	<u>NXB Chính trị quốc gia</u>	Việt Nam / 2006	5	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
3	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GDĐT	<u>NXB Chính trị quốc gia - Sự Thật</u>	Việt Nam / 2006	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Pháp luật đại cương	Đỗ Văn Giai Trần Lương Đức	<u>NXB Khoa học kỹ thuật</u>	Việt Nam / 2012	4	Pháp luật Đại cương
5	Professional English In Use	Eric H Glendinning/ Ron howard	Cambridge	Cambridge University Press / 2006	2	Anh văn 1

6	Oxford Handbook of Commercial Correspondence	A.Ashley	Oxford	Oxford University Press / 2003	3	Anh văn 2
7	Life A1, – National Geographic Learning	John Hughes	John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett		3	Anh văn 3
8	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Murphy, R, Cambridge University Press		2	Anh văn 4
9	Giáo trình tin học đại cương	Hàn Viết Thuận	NXB ĐH KTQD	Việt Nam / 2012	4	Nhập môn tin học
10	Lý thuyết, Bài tập và bài giải quy hoạch tuyến tính	Lê Khánh Luận	NXB ĐHQG Tp Hồ Chí Minh	Việt Nam / 2012	1	Toán chuyên đề 4: Quy hoạch tuyến tính
11	Giáo trình Lý thuyết xác suất thống kê	Nguyễn Cao Văn	NXB ĐH KTQD	Việt Nam / 2012	2	Toán chuyên đề 1 (Xác suất thống kê)
12	Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm	Huỳnh Văn Sơn/ Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu	NXB Trẻ	Việt Nam/2011	1	Các học phần Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm
13	Giáo trình quản trị doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh	NXB ĐH KTQD		3	Quản trị doanh nghiệp

14	Kinh tế học vi mô	David Begg	NXB thống kê	Việt Nam / 2010	1	Kinh tế vi mô
15	Kinh tế học vĩ mô	David Begg	NXB thống kê	Việt Nam / 2010	1	Kinh tế vĩ mô
16	Nguyên lý thống kê	Trần Thị Kim Thu	NXB ĐH KTQD	Việt Nam / 2012	1	Nguyên lý thống kê
17	Giáo trình luật kinh tế	Nguyễn Thị Dung	NXB LĐ	Việt Nam / 2017	1	Luật kinh tế
18	Lý thuyết hạch toán kế toán	Đoàn Xuân Tiến/Lê Văn Liên	NXB Tài chính	Việt Nam / 2014	3	Lý thuyết hạch toán kế toán
19	Kế toán tài chính	Ngô Thế Chi	NXB Tài chính	Việt Nam / 2013	3	Kế toán tài chính
20	Giáo trình tài chính tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	NXB ĐH KTQD	Việt Nam /2018	3	Tài chính Tiền tệ
21	Lý thuyết Tài chính Tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	NXB ĐH KTQD	Việt Nam,2018	1	Tài chính Tiền tệ; Tiểu luận 1
22	Giáo trình tài chính tiền tệ	Mai Hoàng Thịnh	NXB ĐH KTQD	Việt Nam,2012	1	
23	Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ	Trương Mộc Lâm	NXB Thống kê	Việt Nam,2013	1	
24	Giáo trình Nhập môn tài chính tiền tệ	Vũ Xuân Dũng	NXB Thống kê	Việt Nam,2012	1	

25	Giáo trình Tài chính tiền tệ ngân hàng,	Nguyễn Xuân Tiến	NXB Thống kê	Việt Nam,2012	1	Tài chính công
26	Giáo trình Tài chính công	Trần Đức Cân	NXB Lao động	Việt Nam,2016	1	
27	Giáo trình Kinh tế và tài chính công	Vũ Cương	NXB Thống kê	Việt Nam,2012	3	
28	Giáo trình Quản lý Tài chính công	Phạm Văn Khoan	NXB Tài chính	Việt Nam,2010	1	
29	Giáo trình Kinh tế công cộng	Vũ Cương, Phạm Văn Vận	NXB ĐH KTQD	Việt Nam,2013	1	
30	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	Trần Đức Cân	NXB Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam,2012	3	Tài chính doanh nghiệp; Thực tập Tài chính doanh nghiệp 1; Thực tập Tài chính doanh nghiệp 2;Tiểu luận 2; thực tập cuối khóa
31	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vần, Vũ Văn Ninh	NXB Tài chính	Việt Nam,2013	1	
32	Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vần, Đoàn Hương Quỳnh	NXB Tài chính	Việt Nam,2014	1	
33	Tài chính doanh nghiệp căn bản	Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê	Việt Nam,2011	3	
34	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Lưu Thị Hương	NXB ĐH KTQD	Việt Nam,2010	1	
35	Giáo trình Ngân hàng Thương Mại	Đặng Hương Giang	NXB Khoa học Kỹ Thuật	Việt Nam,2012	3	Ngân hàng Thương Mại; Thực

36	Giáo trình Ngân hàng Thương Mại	Phan Thị Thu Hà	NXB ĐH KTQD	Việt Nam,2014	1	tập Ngân hàng thương mại
37	Nguyên lí và nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	Việt Nam,2013	1	
38	Giáo trình Phân tích Tài chính doanh nghiệp	Vũ Thị Thục Oanh	NXB Khoa học kỹ thuật	Việt Nam,2011	3	
39	Giáo trình Phân tích Tài chính doanh nghiệp	Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ	NXB Tài chính	Việt Nam,2012	1	
40	Giáo trình Phân tích Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Thà	NXB Tài chính	Việt Nam,2015	1	
41	Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc	NXB ĐH KTQD	Việt Nam,2011	1	
42	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Ngô Kim Phụng	NXB Kinh tế TP HCM	Việt Nam,2016	1	Tiểu luận 2
43	Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	NXB ĐH KTQD	Việt Nam,2012	2	
44	Kinh tế bảo hiểm	Nguyễn Thị Định	NXB ĐH KTQD	Việt Nam,2011	1	
45	Nghiệp vụ bảo hiểm	Trương Mộc Lâm	NXB Tài chính	Việt Nam,2016	1	Nguyên lý Bảo hiểm

46	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	NXB ĐH KTQD	Việt Nam,2010	1	Quản trị kinh doanh bảo hiểm
47	Bài giảng thuế	Đường Thị Thanh Hải	NXB Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam,2012	3	Thuế
48	Giáo trình thuế	Lê Quang Cường	NXB Kinh tế TP HCM	Việt Nam,2015	1	
49	Giáo trình Lý thuyết thuế	Đỗ Đức Minh	NXB Tài chính	Việt Nam,2010	1	
50	Hỏi đáp Luật doanh nghiệp	Nguyễn Phan Thái Vũ	NXB Lao động	Việt Nam,2010	1	
51	Giáo trình thanh toán quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	Việt Nam,2012	5	
52	Hỏi đáp thanh toán quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	Việt Nam,2010	1	
53	Cẩm nang thanh toán quốc tế bằng L/C	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	Việt Nam,2010	1	Thanh toán quốc tế
54	Thanh toán quốc tế trong ngoại thương tài trợ thương mại quốc tế	Đinh Xuân Trình	NXB Thống kê	Việt Nam,2012	1	
55	Giáo trình thị trường chứng khoán	Bạch Đức Hiền	NXB Tài chính	Việt Nam,2010	3	
56	Giáo trình thị trường tài chính	Hoàng Văn Quỳnh	NXB Tài chính	Việt Nam,2015	1	Thị trường chứng khoán
57	Thị trường chứng khoán	Lê Hoàng Nga	NXB Tài chính	Việt Nam,2015	1	

58	Giáo trình phân tích đầu tư chứng khoán	Nguyễn Thị Minh - Trần Giang Khâm	NXB Tài chính	Việt Nam,2016	1	Tài chính quốc tế
59	Giáo trình tài chính quốc tế	Đặng Hương Giang	NXB ĐH KTKTCN	Việt Nam,2016	3	
60	Giáo trình Tài chính quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	Việt Nam,2017	1	
61	Bài tập và bài giải tài chính quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	Việt Nam,2012	1	
62	Giáo trình Tài chính quốc tế	Phan Duy Minh - Đinh Trọng Thịnh	NXB Tài chính	Việt Nam,2012	1	
63	Giáo trình tín dụng ngân hàng	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	Việt Nam,2014	1	Tín dụng ngân hàng và thẩm định tín dụng ngân hàng
64	Tín dụng ngân hàng	Tô Ngọc Hưng	NXB Lao động - Xã hội	Việt Nam,2014	1	
65	Giáo trình Tín dụng ngân hàng	Tô Ngọc Hưng	NXB Lao động - Xã hội	Việt Nam,2014		
66	Giáo trình Tín dụng ngân hàng	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	Việt Nam,2014	1	
67	Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Đặng Hương Giang	NXB Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam,2012	3	
68	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Thống kê	Việt Nam,2012	1	Quản trị rủi ro tài chính
69	Quản trị rủi ro tài chính	TS. Nguyễn Thị Ngọc Trang	NXB Thống kê	Việt Nam,2016	1	

70	Giáo trình quản trị rủi ro	PGS.TS Trần Hùng	NXB Hà Nội	Việt Nam,2017	1	Đầu tư tài chính
71	Đầu tư tài chính	Võ Thị Thúy Anh	NXB Tài chính	Việt Nam,2014	1	
72	Đầu tư tài chính	Trần Thị Thái Hà	NXB ĐHQG Hà Nội	Việt Nam,2010	1	
73	Tài chính 101	Phan Trần Trung Dũng	NXB Lao động - Xã hội	Việt Nam,2014	1	
74	Các công cụ phái sinh	Nguyễn Văn Tiến	NXB Học viện ngân hàng	Việt Nam,2012	1	
75	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	Don M. Chance, Robert Brooks	NXB Cengage Learning	Anh,2015	1	Công cụ phái sinh
76	Thị trường chứng khoán phái sinh	Bùi Nguyên Hoàn	NXB Từ điển Bách khoa	Việt Nam,2017	1	
77	Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê	Việt Nam,2012	1	Quản trị rủi ro tài chính
78	Giáo trình định giá tài sản	Nguyễn Minh Hoàng, Phạm Văn Bình	NXB Tài chính	Việt Nam,2011	1	Định giá tài sản
79	Thẩm định giá trị bất động sản	Nguyễn Ngọc Vinh-Nguyễn Quỳnh Hoa	NXB Lao động - Xã hội	Việt Nam,2012	1	
80	Giáo trình đánh giá giá trị doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Quang	NXB ĐH KTQD	Việt Nam,2015	1	

81	Giáo trình nguyên lý và tiêu chuẩn thẩm định giá	Vũ Minh Đức	NXB ĐH KTQD	Việt Nam, 2015	1	
----	---	-------------	----------------	-------------------	---	--

Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo:

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Tạp chí KHKT trường ĐH KTKTCN	Trường ĐH KTKTCN	12 số / năm		tất cả các học phần chuyên ngành		
2	Tạp chí Bảo hiểm	BHXX Việt Nam	12 số/ năm		tất cả các học phần chuyên ngành		
3	Tạp chí Kinh tế & Phát triển	Đại học Kinh tế quốc dân	12 số/ năm		tất cả các học phần chuyên ngành		
4	Tạp chí Công Thương	Bộ Công Thương	12 số/ năm		tất cả các học phần chuyên ngành		
5	Tạp chí Tài chính	Bộ Tài chính	12 số/ năm		tất cả các học phần chuyên ngành		
6	Tạp chí Kinh tế đối ngoại	Trường ĐH Ngoại thương	12 số/ năm		tất cả các học phần chuyên ngành		

7	Tạp chí khoa học Thương mại	Đại học Thương mại	12 số/năm		tất cả các học phần chuyên ngành		
8	Tạp chí Thuế nhà nước	Bộ Tài chính	12 số/năm		tất cả các học phần chuyên ngành		
9	Tạp chí Ngân hàng	NHNN	12 số/năm		tất cả các học phần chuyên ngành		
10	Tạp chí Kinh tế & dự báo	Bộ KHĐT	12 số/năm		tất cả các học phần chuyên ngành		

2.1.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

a) Hoạt động nghiên cứu khoa học

Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa chủ quản liên quan đến ngành đề nghị cho phép đào tạo do cơ sở đào tạo thực hiện

Số T T	Tên đề tài NCKH / Chuyển giao công nghệ / Dự án sản xuất	Cấp quyết định, mã số	Năm thực hiện	Kết quả nghiệm thu	Ghi chú
1	Tái cấu trúc Thị trường chứng khoán – Thực trạng và giải pháp	Trường	2015 - 2016	Tốt	Nguyễn Ngọc Anh, Vũ Thị Anh
2	Tăng cường việc áp dụng mô hình CAMELS tại hệ thống các NHTM Việt Nam	Trường	2018 - 2019	Tốt	Nguyễn Ngọc Anh, Vũ Thị Anh
3	Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu tới hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp giao thông vận tải và kho bãi ở Việt Nam	Trường	2017 - 2018	Tốt	Trần Thị Ngọc Anh

4	Các điều kiện để vận hành thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam trong thời gian tới.	Trưởng	2016/2 017	Tốt	Đặng Hương Giang
5	Nâng cao hệ số an toàn vốn theo chuẩn Basel II tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Trưởng	2017/2 018	Xuất sắc	Đặng Hương Giang
6	Ứng dụng Machine learning trong xếp hạng tín dụng khách hàng cá nhân tại NHTM CP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	Trưởng	2018/2 019	Tốt	Đặng Hương Giang
7	Nâng cao hiệu quả hợp tác giữa NHTM và các công ty Fintech – Nghiên cứu điển hình tại NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng VPBank	Trưởng	2019/2 020	Xuất sắc	Đặng Hương Giang
8	Tự đánh giá và các giải pháp cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đến năm 2021.	Trọng điểm, Trưởng	2019/2 020	Xuất sắc	Đặng Hương Giang
9	Xây dựng hệ thống quản trị đào tạo trực tuyến (LMS) tại trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.	Trọng điểm, Trưởng	2019/2 020	Xuất sắc	Đặng Hương Giang
10	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các dự án năng lượng tái tạo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	Trưởng	2020/2 021	Tốt	Đặng Hương Giang
11	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước cấp tỉnh đối với phân bổ và sử dụng vốn NSNN cho các dự án đầu tư XDCB trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Trưởng	2017/2 018	Tốt	Nguyễn Ngọc Hải
12	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các tập đoàn kinh tế nhà nước sau cổ phần hoá	Trưởng	2014/2 015	Xuất sắc	Vũ Thanh Hương, Ngô Thanh Loan

13	Giải pháp thúc đẩy tiến trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	Trường	2017/2018	Tốt	Ngô Thanh Loan
14	Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán Việt Nam sau M&A	Trường	2017/2018	Xuất sắc	Ngô Thanh Loan
15	Chính sách thương mại dịch vụ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương -TPP	Trường	2015-2016	Tốt	Nguyễn Thị Bích Ngọc
16	Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ngành dệt may Việt Nam khi tham gia TPP	Trường	2016-2017	Xuất sắc	Nguyễn Thị Bích Ngọc
17	Phát triển hoạt động môi giới chứng khoán của các công ty chứng khoán Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế	Trường	2017-2018	Tốt	Nguyễn Thị Bích Ngọc
18	Giải pháp tài chính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp kinh doanh bia tại Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế	Trường	2019-2020	Xuất sắc	Nguyễn Thị Bích Ngọc
19	Nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất tại Agribank chi nhánh Hải Dương	Trường	2014/2015	Tốt	Phạm Thị Phương Thảo
20	Nâng cao chất lượng dịch vụ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Quân đội Việt Nam trong tiến trình gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)	Trường	2015/2016	Xuất sắc	Phạm Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Tình
21	Nghiên cứu tác động của sức mạnh thị trường tới hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Trường	2020/2021	Tốt	Đỗ Thị Kim Thu
22	Chống rửa tiền qua hệ thống ngân hàng	Trường	2014/2015	Tốt	Nguyễn Thị Tình

23	Giải pháp tín dụng của các ngân hàng thương mại nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam	Trường	2015-2016	Tốt	Phạm Thị Diệu Phúc
24	Giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ tín dụng cho ngành công nghiệp ô tô tại ngân hàng Công Thương Việt Nam	Trường	2016-2017	Xuất sắc	Phạm Thị Diệu Phúc
25	Nâng cao hiệu quả kinh doanh của các công ty xổ số kiến thiết miền Bắc trong điều kiện hội nhập	Trường	2017-2018	Tốt	Phạm Thị Diệu Phúc
26	Một số giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị tài chính tại các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa ở Nam Định	Trường	2009-2010	Xuất sắc	Trần Thanh Phúc
27	Phân tích và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần may Sông Hồng	Trường	2011-2012	Tốt	Trần Thanh Phúc
28	Phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015-2020	Trường	2014-2015	Xuất sắc	Trần Thanh Phúc
29	Minh bạch thông tin tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.	Trường	2017-2018	Tốt	Trần Thanh Phúc
30	“Các nhân tố tác động đến hoạt động công bố thông tin báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.”	Trường	2016/2017	Xuất sắc	Vũ Thị Thục Oanh
31	“Các nhân tố tác động đến hoạt động kiểm soát giao dịch chứng khoán trên sàn chứng khoán Việt Nam.”	Trường	2017/2018	Xuất sắc	Vũ Thị Thục Oanh
32	“Đo lường chất lượng giáo dục bậc đại học ngành Tài chính ngân hàng trước bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tại trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật – Công nghiệp”	Trường	2018/2019	Xuất sắc	Vũ Thị Thục Oanh

33	Đánh giá mức độ phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ trong bối cảnh hội nhập tài chính	Trường	2019/2 020	Xuất sắc	Vũ Thị Thục Oanh
34	Nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ cấu vốn và rủi ro tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán trong bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay	Trường	2019/2 020	Xuất sắc	Vũ Thị Thục Oanh
35	“Các nhân tố tác động đến hoạt động công bố thông tin báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.”	Trường	2020/2 021	Tốt	Vũ Thị Thục Oanh
36	Minh bạch thông tin tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	Trường	2017/2 018	Xuất sắc	Nguyễn Hong Yên
37	Hoàn thiện và mở rộng nghiệp vụ bảo lãnh tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Nam Định	Trường	2014- 2015	Xuất sắc	Vũ Thị Bích Hảo
38	Phát triển hoạt động môi giới chứng khoán của các công ty chứng khoán Việt Nam trong điều kiện hội nhập	Trường	2018/2 019	Tốt	Ngô Hoài Nam
39	Nghiên cứu tác động của cơ cấu vốn đến giá cổ phiếu tại các DN niêm yết trên sàn CK Hà Nội	Trường	2016/2 017	Tốt	Đường Thị Thanh Hải
40	Nghiên cứu tác động của các nhân tố tới cấu trúc tài chính và tác động của cấu trúc tài chính tới hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam”	Trường	2017/2 018	Tốt	Đường Thị Thanh Hải
41	Ứng dụng mô hình hồi quy đa biến nghiên cứu tác động của cơ cấu vốn tới hiệu quả tài chính các ngân hàng thương mại Việt Nam	Trường	2018/2 019	Tốt	Đường Thị Thanh Hải

42	Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc tài chính tới sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay	Trường	2020/2 021	Tốt	Đường Thị Thanh Hải
43	Tăng cường khả năng cạnh tranh dịch vụ ngân hàng của các ngân hàng thương mại nhà nước của Việt Nam	Trường	2017/2 018	Xuất sắc	Phùng Thị Lan Hương
44	Nghiên cứu tác động của các nhân tố về chất lượng hoạt động kinh doanh ngoại tệ tới hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam.	Trường	2018/2 019	Xuất sắc	Phùng Thị Lan Hương
45	Tự đánh giá và các giải pháp cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp đến năm 2021	Trường	2019/2 020	Xuất sắc	Phùng Thị Lan Hương
46	Nghiên cứu ảnh hưởng của quản trị tài chính và minh bạch thông tin tới khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam	Trường	2019/2 020	Xuất sắc	Phùng Thị Lan Hương
47	Tăng cường quản trị công ty với việc nâng cao hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại của Việt Nam”	Trường	2020/2 021	Tốt	Phùng Thị Lan Hương
48					
49					

Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm	Nguồn công bố	Ghi chú
1	Tình hình xuất nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay và giải pháp	Lê Nguyễn Diệu Anh	2017	Tạp chí Công thương	

2	Đề xuất giải pháp xuất nhập khẩu bền vững trong hội nhập quốc tế	Lê Nguyễn Diệu Anh	2017	Tạp chí Công thương	
3	Chính sách thu hút FDI vào ngành công nghệ cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước	Lê Nguyễn Diệu Anh	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững”, Đại học kinh tế quốc dân.	
4	Những hạn chế trong chính sách và hoạt động chuyển giá ở Việt Nam	Lê Nguyễn Diệu Anh	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam”, Đại học kinh tế quốc dân.	
5	Giải pháp phát triển thương mại nội địa trước xu thế hội nhập quốc tế	Lê Nguyễn Diệu Anh	2019	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương	
6	Xuất nhập khẩu hàng hoá Việt Nam và những yếu tố tác động từ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung	Lê Nguyễn Diệu Anh	2019	Tạp chí Tài chính	
7	The impact of international on the sustainable trade development in vietnam	Lê Nguyễn Diệu Anh	2020	Tạp chí International Journal of Case Studies Online	

8	The external factors affecting the dividend policy: The case of listed companies on the Hanoi Stock Exchange	Lê Nguyễn Diệu Anh	2020	Tạp chí International Journal of Innovation, Creativity and Change	
9	Sự thành công trong việc phát triển kinh tế du lịch địa phương tại một số quốc gia	Lê Nguyễn Diệu Anh	2021	Kỷ yếu hội thảo quốc gia: Giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và nguồn lực du lịch địa phương, Đại học Kinh Bắc	
10	Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần quân đội - chi nhánh Thanh Hóa	Nguyễn Ngọc Anh	2017	Tạp chí công thương	
11	Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của ngành ngân hàng Việt Nam trước xu thế hội nhập	Nguyễn Ngọc Anh	2017	Tạp chí công thương	
12	Tác nhân gia tăng chuyển giá ở Việt Nam	Nguyễn Ngọc Anh	2018	Kỷ yếu hội thảo quốc gia	
13	ứng dụng mô hình CAMELS trong đánh giá xếp loại ngân hàng	Nguyễn Ngọc Anh	2019	Tạp chí công thương	
14	Xây dựng sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số thông qua nâng cao tri thức bản địa và giữ vững văn hóa	Nguyễn Ngọc Anh	2019	Kỷ yếu hội thảo quốc gia	

15	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn của các NHTM	Nguyễn Ngọc Anh	2021	Tạp chí công thương	
16	Những khó khăn, thách thức trong phát triển thị trường xuất khẩu sản phẩm chủ lực của Tây Nguyên	Nguyễn Ngọc Anh	2021	Tạp chí công thương	
17	Quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA ở Việt Nam hiện nay	Trần Thị Ngọc Anh	2017	Tạp chí công thương	
18	Quản lý nợ công tại Việt Nam an toàn và hiệu quả hơn	Trần Thị Ngọc Anh	2017	Tạp chí công thương	
19	Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu tới hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp giao thông vận tải và kho bãi ở Việt Nam	Trần Thị Ngọc Anh	2018	Tạp chí công thương	
20	Thực trạng hoạt động M&A của các doanh nghiệp tại Việt Nam	Trần Thị Ngọc Anh	2019	Tạp chí công thương	
21	Kinh nghiệm mua bán và sáp nhập của các doanh nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới	Trần Thị Ngọc Anh	2019	Tạp chí công thương	
22	Kinh nghiệm phát triển kinh tế du lịch địa phương bền vững	Trần Thị	2020	Kỷ yếu hội thảo quốc gia	

		Ngọc Anh			
23	Con đường phát triển kinh tế du lịch trên thế giới	Nguyễn Ngọc Anh	2020	Kỷ yếu hội thảo quốc gia	
24	Hội nhập trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam hiện nay	Vũ Thị Anh	2017	Tạp chí Công Thương	
25	Rào cản trong việc xác định giá chuyển giao của doanh nghiệp theo phương pháp tài sản	Vũ Thị Anh	2017	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “ <i>Chuyển giá và kiểm soát hoạt động chuyển giá: những vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm</i> ”, Đại học Kinh tế Quốc dân.	
26	Kinh nghiệm huy động vốn tín dụng cho đầu tư phát triển kinh tế địa phương	Vũ Thị Anh	2019	Tạp chí công thương	
27	Thực trạng đào tạo nghề đối với lao động vùng dân tộc	Vũ Thị Anh	2020	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc”	
28	Cơ hội phát triển kinh tế ban đêm	Vũ Thị Anh	2021	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “ <i>Giải pháp phát triển kinh tế xã hội và nguồn lực du lịch địa phương</i> ”	
29	Gia tăng sức hấp dẫn cho thị trường bán lẻ trong nước	Vũ Thị Anh	2021	Tạp chí công thương	

30	Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động chuyển giá trong các công ty đa quốc gia	Trương Ngọc Chân	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: "Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam", Đại học Kinh tế Quốc dân.	
31	Năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp Việt Nam – Thực trạng và giải pháp	Trương Ngọc Chân	2019	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Đánh giá thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo và tác động của nó tới năng suất, chất lượng và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp”, Đại học Kinh tế Quốc dân.	
32	International Experience in the Improvement of the Positive Impact of FDI on Import and Export for Vietnam	Trương Ngọc Chân	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
33	Corporate Social Responsibility	Trương Ngọc Chân	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
34	Giải pháp phục hồi cho du lịch Việt Nam 2021	Trương Ngọc Chân	2021	Tạp chí Thuế nhà nước	
35	Quản lý lễ hội văn hóa vẫn tạo nguồn thu tại các tỉnh trong bối cảnh dịch vụ COVID-19	Trương Ngọc Chân	2021	Hội thảo quốc gia “Giải pháp phát triển kinh tế xã hội và nguồn lực du lịch địa phương”, Đại học Kinh Bắc	

36	Establishing a Model for Assessing the Effects of Cultural Organization to Employees Loyalty at Viettinbank Vietnam	Đỗ Mỹ Dung	Tháng 7/2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
37	Competition Law of Vietnam	Đỗ Mỹ Dung	Tháng 7/2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
38	Current Situation of the Impacts of FDI on Import and Export Markets in Vietnam	Đỗ Mỹ Dung	Tháng 5/2020	Case Studies Journal	
39	Evaluation of Real Situation of Enterprise Resource Planning In Vietnam	Đỗ Mỹ Dung	Tháng 5/2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
40	Thực trạng và giải pháp đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng nhập siêu từ trung quốc	Đỗ Mỹ Dung	5/2017	Công thương	
41	Bàn về thực trạng chuyển giá nội địa ở Việt Nam hiện nay	Đỗ Mỹ Dung	4/ 2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam” – Đại học Kinh tế quốc dân	
42	Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và những tác động đến Việt Nam năm 2018	Đỗ Mỹ Dung	3/2019	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Kinh tế Việt Nam năm 2018 và triển vọng năm 2019	

43	Ứng dụng công nghệ 4.0 tăng năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp	Đỗ Mỹ Dung	5/2019	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Vai trò của tri thức trẻ Việt Nam trong nền kinh tế số” - Đại học Kinh tế quốc dân	
44	Phát triển giao dịch phái sinh trong quản trị rủi ro ngân hàng hướng tới chuẩn Basel II	Đặng Hương Giang	2017	Hội thảo khoa học quốc gia: Áp dụng Basel II trong quản trị rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt nam: Cơ hội - thách thức và lộ trình thực hiện, Đại học Kinh tế Quốc dân, ISBN: 978-604-646-297-9	
45	Nhân tố ảnh hưởng đến doanh số giao dịch phái sinh tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam	Đặng Hương Giang	2017	Tạp chí Kinh tế phát triển, số 246 tháng 12 năm 2017. Đại học Kinh tế Quốc dân.	
46	Machine Learning và ứng dụng trong xếp hạng tín dụng khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.	Đặng Hương Giang	2018	Hội thảo khoa học quốc gia “Cách mạng Công nghiệp 4.0 và những đổi mới trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng”, Đại học Kinh tế Quốc dân, ISBN: 978-604-946-449-2	
47	Fintech – Giải pháp thúc đẩy xu hướng tài chính toàn diện Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0	Đặng Hương Giang	2019	Hội thảo khoa học quốc gia “Thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam: Những vấn đề lý luận, kinh nghiệm thực tiễn của các nước, Học viện Tài chính,	

				ISBN: 978-604-79-2081-5	
48	The determinants influencing managerial accounting Vietnamese manufacturing and trading enterprises	Đặng Hương Giang	2020	Academy of Accounting and Financial Studies Journal, Reference number: 1528-2635-23-5-463, Volume 23, Issue 5, 2019.	
49	Factors Affecting Corporate Social Responsibility Disclosure in Companies Listed on the Vietnamese Stock Market	Đặng Hương Giang	2020	International Journal of Innovation, Creativity and Change, Volume 14, Issue 11, 2020.	
50	Quản lý tài chính cá nhân hướng tới tự do tài chính	Đặng Hương Giang	2020	Đại học Thương Mại – ĐH Kinh tế ĐHQG: Hội thảo quốc gia: "Tài chính cá nhân - Lý thuyết và thực hành trong bối cảnh mới"	
51	Phát triển dự án năng lượng tái tạo tại các tỉnh bắc trung bộ Việt Nam	Đặng Hương Giang	2020	Đại học KTQD, Hội thảo khoa học quốc gia, “Luận cứ khoa học cho giải pháp, chính sách phát triển bền vững dải ven biển bắc trung bộ”, 2020	
52	Ứng dụng phương pháp tỷ số bình quân trong định giá doanh nghiệp	Đặng Hương Giang	2020	Tạp chí Khoa học và Công nghệ số 24/2020	
53	Ảnh hưởng của việc tỷ giá USD/VND tăng trong những tháng đầu	Phạm Thị Thu Hà	2017	Công thương	

	năm 2017 đến nền kinh tế Việt Nam				
54	Chuyển giá, dấu hiệu nhận diện và biện pháp ngăn chặn	Phạm Thị Thu Hà	2017	Công thương	
55	Vốn FDI có vai trò quan trọng đối với tăng năng suất lao động trong nước	Phạm Thị Thu Hà	2018	Công thương	
56	Giải pháp mới tăng cường quản lý giáo dục Đại học tại Việt Nam	Phạm Thị Thu Hà	2019	Công thương	
57	Dự báo kinh tế thế giới năm 2020 và giải pháp giúp Việt Nam vượt khó	Phạm Thị Thu Hà	2020	Công thương	
58	Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong phát triển đất nước	Phạm Thị Thu Hà	2021	Công thương	
59	Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Oceanbank	Nguyễn Ngọc Hải	2017	Tạp chí Khoa học Thương Mại - Trường ĐH Thương Mại	
60	Huy động vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam- Thực trạng & giải pháp	Nguyễn Ngọc Hải	2017	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
61	Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu: Thực trạng và giải pháp	Nguyễn Ngọc Hải	2018	Tạp chí Công thương	

62	Một số vấn đề đặt ra đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cảng biển Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0	Nguyễn Ngọc Hải	2018	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
63	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Việt Nam giai đoạn 2005-2016, nhìn từ hệ số Icor (Đồng tác giả)	Nguyễn Ngọc Hải	2018	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
64	Đánh giá phân bổ vốn Ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu qua các tiêu chí	Nguyễn Ngọc Hải	2019	Tạp chí Công thương	
65	Yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Nguyễn Ngọc Hải	2019	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	
66	Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long	Nguyễn Ngọc Hải	2019	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
67	Kinh nghiệm quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản	Nguyễn Ngọc Hải	2019	Tạp chí Tài chính	
68	Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước cấp tỉnh đối với phân bổ và sử dụng vốn Ngân	Nguyễn Ngọc Hải	2019	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	

	sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh Lai Châu				
69	Hoàn thiện quản lý phân bổ vốn Ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh Lai Châu	Nguyễn Ngọc Hải	2020	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
70	Literature Review about Determinants of New Firm Formation (Đồng tác giả)	Nguyễn Ngọc Hải	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
71	Recommendation for Vietnam Banking Industry in Application of Corporate Social Responsibility	Nguyễn Ngọc Hải	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
72	Phát triển dịch vụ thẻ tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á	Nguyễn Ngọc Hải	2021	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
73	Phát triển bền vững thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức	Nguyễn Ngọc Hải	2021	Hội thảo khoa học Quốc gia – Trường ĐH KTKTCN	
74	Bắt cập trong chính sách và hoạt động kiểm soát chuyển giá tại Việt Nam	Lê Phương Hoa	2017	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Đại học KTQD: “Chuyển giá và kiểm soát hoạt động chuyển giá: Những vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm” – NXB Lao động	

75	Bài học từ các nước trong khu vực về chính sách thu hút FDI bằng thuế và ưu đãi	Lê Phương Hoa	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia Đại học KTQD: Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững – NXB Lao động	
76	Công cụ chỉ báo giúp đánh giá hiệu quả đào tạo Đại học tại các quốc gia trên thế giới	Lê Phương Hoa	2019	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia Đại học KTQD: Quản lý Nhà nước đối với giáo dục Đại học: Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam– NXB Lao động	
77	Tình hình nợ xấu tại các ngân hàng thương mại năm 2016 và nguyên nhân	Trần Thị Hoa	2017	Tạp chí công thương	
78	Cách mạng công nghiệp 4.0: cơ hội và thách thức đối với Việt Nam	Trần Thị Hoa	2018	Tạp chí châu Á- Thái bình dương	
79	Thực trạng và giải pháp về vấn đề nợ xấu của các ngân hàng Việt Nam hiện nay	Trần Thị Hoa	2018	Tạp chí công thương	
80	Kinh nghiệm quốc tế trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp FDI và bài học cho Việt Nam	Trần Thị Hoa	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững”-ĐH KTQD	
81	Những vấn đề trong cải cách giáo dục đại học ở Trung Quốc-Bài học	Trần Thị Hoa	2019	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Quản lý Nhà nước đối với giáo dục đại học: kinh	

	kinh nghiệm cho Việt Nam.			kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam”.	
82	Literature Review about Determinants of New Firm Formation	Trần Thị Hoa	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
83	Recommendation for Vietnam Banking Industry in Application of Corporate Social Responsibility	Trần Thị Hoa	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
84	Dự án phát triển kinh tế du lịch tỉnh – Dự án tại Cà Mau	Trần Thị Hoa	2021	Kỷ yếu hội thảo khoa học giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và nguồn lực du lịch địa phương.	
85	Nâng cao năng lực cạnh tranh của các công ty chứng khoán trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế	Vũ Thanh Hương	2017	Tạp chí công thương	
86	Thúc đẩy tiến trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	Vũ Thanh Hương	2018	Tạp chí công thương	
87	Phân tích thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018 và dự báo năm 2019	Vũ Thanh Hương	2019	Tạp chí công thương	
88	Phát triển thị trường vốn đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam	Vũ Thanh Hương	2019	Tạp chí Khoa học & công nghệ	
89	Sustainable trade development in Vietnam	Vũ Thanh Hương	2020	<i>International Journal of Case studies</i>	

90	Current situation of the Impacts of FDI on Import and Export Market in Vietnam	Vũ Thanh Hương	2020	<i>International Journal of Case studies</i>	
91	Covid19 ảnh hưởng đến kinh tế thế giới và Việt Nam – giải pháp cho các địa phương	Vũ Thanh Hương	2021	Hội thảo quốc gia – Giải pháp phát triển Kinh tế xã hội và nguồn du lịch địa phương	
92	Giải pháp phát triển du lịch kinh tế địa phương	Vũ Thanh Hương	2021	Hội thảo quốc gia - Giải pháp phát triển Kinh tế xã hội và nguồn du lịch địa phương	
93	Tình hình lãi suất ngân hàng năm 2016 và giải pháp duy trì lãi suất ổn định	Trần Xuân Huy	2017	Tạp chí Công thương	
94	Thực trạng xăng dầu tăng giá và các giải pháp bình ổn thị trường xăng dầu trong nước	Trần Xuân Huy	2017	Tạp chí Công thương	
95	Đánh giá công tác chống chuyển giá ở Việt Nam và lựa chọn giải pháp khắc phục trên cơ sở vận dụng kinh nghiệm một số quốc gia(295).	Trần Xuân Huy	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: "Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam", Đại học Kinh tế Quốc dân.	
96	Bài học rút ra cho Ngân hàng TMCP Phương Đông – chi nhánh Hà Nội trong Quản trị rủi ro thanh toán quốc tế theo phương thức tín dụng chứng từ	Trần Xuân Huy	2021	Tạp chí Công thương	

97	The Impact of the Pricing Strategy, Selling Price, and Time of Sale on the Ability to Sell Real Estate in Vietnam	Trần Xuân Huy	2020	Case Studies Journal	
98	<i>Strategy of Householding Price, Sale, Time to Sell, and Ability to Sell Housing: Research Overview</i>	Trần Xuân Huy	2020	Case Studies Journal	
99	Giải pháp phát triển tổng tài sản của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Trần Thị Thùy Linh	2017	Tạp chí công thương	
100	Tình hình quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng Vietinbank, chi nhánh Hà Nội	Trần Thị Thùy Linh	2017	Tạp chí công thương	
101	Thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế	Trần Thị Thùy Linh	2018	Tạp chí công thương	
102	Hành vi chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam	Trần Thị Thùy Linh	2018	Tạp chí công thương	
103	Hành vi chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam	Trần Thị Thùy Linh	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia	
104	Những bất cập trong chính sách lao động tại	Trần Thị	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia	

	các doanh nghiệp FDI hiện nay	Thùy Linh			
105	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách dạy nghề lao động vùn dân tộc	Trần Thị Thùy Linh	2020	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia	
106	Ngân hàng phát triển bền vững với nguồn nhân lực chất lượng cao	Trần Thị Thùy Linh	2021	Tạp chí công thương	
107	Nguồn nhân lực chất lượng cao gắn liền với thời đại công nghệ 4.0	Trần Thị Thùy Linh	2021	Tạp chí tài chính	
108					
109	Nâng cao năng lực cạnh tranh của các công ty chứng khoán trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế	Ngô Thanh Loan	2017	Tạp chí Công thương	
110	M&A - Hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán Việt Nam sau M&A	Ngô Thanh Loan	2018	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	
111	Nâng cao hiệu quả hoạt động thu hút vốn FDI vào ngành nông nghiệp công nghệ cao	Ngô Thanh Loan	2018	Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc gia: “Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững”, Đại học Kinh tế quốc dân	
112	Một số mô hình kinh tế thành công trong xóa đói giảm nghèo cho	Ngô Thanh Loan	2020	Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc gia: “Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản	

	đồng bào dân tộc thiểu số			cho người dân vùng dân tộc thiểu số: Định hướng và giải pháp đến 2030", Đại học Kinh tế quốc dân	
113	Giải pháp kinh tế giảm nghèo đa chiều cho đồng bào dân tộc thiểu số	Ngô Thanh Loan	2020	Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc gia: 'Dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc', Đại học Kinh tế quốc dân	
114	Giải pháp phát triển sản xuất nông sản cung ứng xuất khẩu của Tây Nguyên	Ngô Thanh Loan	2020	Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc gia: “Chính sách phát triển thị trường xuất khẩu các sản phẩm chủ lực vùng Tây Nguyên trong bối cảnh mới”, Đại học Kinh tế quốc dân	
115	Overview of Research on Environmental Accounting	Ngô Thanh Loan	2020	Case Studies Journal	
116	Mobile Commerce in Vietnam: Literature Review	Ngô Thanh Loan	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
117	Kinh tế ngành du lịch chuyển mình với chuyển đổi số	Ngô Thanh Loan	2021	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: “Giải pháp phát triển kinh tế - xã hội Và nguồn lực du lịch địa phương”, Đại học Kinh Bắc	
118	Thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho ngành Du lịch	Vũ Thành Long	2021	Tạp chí Công Thương	

119	Kinh nghiệm cải cách thể chế kinh tế và hành chính Nhật Bản và bài học cho Việt Nam	Vũ Thành Long	2021	Tạp chí Công Thương	
120	Future Consequences, Perceived Risk and Security and Continuance Intention to Use Mobile Commerce: Proposal Model	Vũ Thành Long	2021	American Based Research Journal	
121	Consideration of Future Consequences-Immediate (CFC-Immediate) and Consideration of Future Consequences-Future (CFC-Future): Overview	Vũ Thành Long	2021	American Based Research Journal	
122	Overview of Global Circular Economy.	Vũ Thành Long	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
123	International and Domestic Experiences In the Development of Vocational Training For Rural Labors in Agriculture 4.0.	Vũ Thành Long	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
124	Những kết quả đạt được trong đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho đồng bào dân tộc thiểu số	Vũ Thành Long	2020	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia của trường Đại học Kinh tế Quốc dân	
125	Cơ hội và thách thức của các doanh nghiệp trong bối cảnh Việt	Vũ Thành Long	2018	Tạp chí Công Thương	

	Nam gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương				
126	Giải pháp huy động vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0	Vũ Thành Long	2018	Tạp chí Công Thương	
127	Vấn đề sở hữu chéo trong ngân hàng thương mại	Vũ Thành Long	2017	Tạp chí Công Thương	
128	Đề xuất nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành ngân hàng hiện nay	Nguyễn Thị Mai	2017	Tạp chí công thương	
129	Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp Việt Nam	Nguyễn Thị Mai	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia , Trường ĐH Kinh tế quốc dân	
130	Chiến lược thu hút FDI sạch cho sự phát triển kinh tế Việt Nam	Nguyễn Thị Mai	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia , Trường ĐH Kinh tế quốc dân	
131	Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo bậc đại học	Nguyễn Thị Mai	2019	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia , Trường ĐH Kinh tế quốc dân	
132	Proposed Research Model Mobie Commerce	Nguyễn Thị Mai	2020	International Joural of Management Sciences and Business Research	
133	Enterprise Culture: Literature Review	Nguyễn Thị Mai	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	

134	Thực trạng thực hiện thuế xuất nhập khẩu xăng dầu tại Việt Nam	Phạm Thị Ngọc Ma	2017	Tạp chí Công thương	
135	Sử dụng phương pháp xác định giá thị trường ngăn chặn chuyển giá tại các công ty đa quốc gia ở Việt Nam	Phạm Thị Ngọc Ma	2018	Kỷ yếu hội thảo quốc gia về "Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam", Đại học Kinh tế quốc dân	
136	Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp FDI về thực hiện các quy định lao động	Phạm Thị Ngọc Ma	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: "Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững, Đại học Kinh tế Quốc dân	
137	Vai trò của cố vấn học tập trong tiến trình đổi mới giáo dục đại học	Phạm Thị Ngọc Ma	2019	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học: Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam” - Đại học Kinh tế Quốc Dân	
138	Overview of Foreign Direct Investment and Foreign Direct Investments Effect on Employment	Phạm Thị Ngọc Ma	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
139	Overview on Labor Productivity	Phạm Thị Ngọc Ma	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	

140	Thực trạng ngành dịch vụ lưu trú chia sẻ ở Việt Nam	Phạm Thị Ngọc Ma	2021	Tạp chí công thương	
141	Giải pháp tài chính nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ngành dệt may khi tham gia TPP	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2017	Số 13 Tạp chí Khoa học và công nghệ	
142	Nâng cao năng lực cạnh tranh môi giới chứng khoán của các công ty chứng khoán trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2018	Số 15 Tạp chí Khoa học và công nghệ	
143	Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Việt Nam	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2018	Hội thảo khoa học quốc gia	
144	Nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm bia Việt Nam	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2020	Số 15 Tạp chí Khoa học và công nghệ	
145	Phát triển doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam khi tham gia hiệp định EVFTA	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2021	Tạp chí Khoa học và công nghệ (đang chờ xuất bản)	
146	Nghiên cứu về hoạt động cho vay ngang hàng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2021	Hội thảo khoa học quốc gia Uneti	

147	Quản lý nợ công tại Việt Nam an toàn và hiệu quả hơn	Đoàn Thị Nguyệt	2017	Tạp chí Công thương	
148	Thực trạng chuyển giá tại các doanh nghiệp Việt Nam và định hướng khắc phục	Đoàn Thị Nguyệt	2018	Hội thảo Quốc Gia - Đại học Kinh Tế Quốc Dân	
149	Đào tạo nghề nhằm tạo công ăn việc làm cho lực lượng lao động vùng dân tộc	Đoàn Thị Nguyệt	2019	Hội thảo Quốc Gia - Đại học Kinh Tế Quốc Dân	
150	Experience in Policy Developing Marine Economy and Lessons Learned for Khanh Hoa- Viet Nam	Đoàn Thị Nguyệt	2020	Case studies Journal	
151	Nghiên cứu giải pháp quản lý nợ nước ngoài tránh nguy cơ khủng hoảng nợ	Đỗ Thị Thu Quỳnh	2017	Tạp chí công thương	
152	Học hỏi kinh nghiệm quốc tế và kiểm soát định giá chuyển giao	Đỗ Thị Thu Quỳnh	2017	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia "Chuyển giá và kiểm soát hoạt động chuyển giá: Những vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm", NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân	
153	Chính sách thu hút FDI nhằm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế bền vững tại các vùng và địa phương	Đỗ Thị Thu Quỳnh	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia " Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững", NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân	

154	Vấn đề quản lý đầu tư nghiên cứu trong xây dựng hệ thống giáo dục đại học và nghiên cứu – bài học từ Hoa Kỳ	Đỗ Thị Thu Quỳnh	2019	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “ Quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học: Kinh nghiệm Trung quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam”. NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân	
155	Giải pháp phát triển mô hình kinh doanh dịch vụ lưu trú chia sẻ	Đỗ Thị Thu Quỳnh	2021	Tạp chí Công thương	
156	Tiềm năng và thách thức đối với ngành thương mại điện tử trong nước	Đỗ Thị Thu Quỳnh	2021	Tạp chí Công thương	
157	Hợp tác APEC- Cơ hội và thách thức cho cộng đồng DN Việt Nam	Phạm Đức Tài	2017	Thanh tra tài chính	
158	Công cụ đặc lực chống chuyển giá: APA	Phạm Đức Tài	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: "Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam", Đại học Kinh tế Quốc dân.	
159	FDI in Vietnam - A recent view on inadequacies and shortcomings	Phạm Đức Tài	2019	Hội thảo quốc tế "International Finance and Accounting Research Conference"	
160	Thực trạng và giải pháp phát huy vai trò của kinh tế du lịch đối với nền kinh tế Việt Nam	Phạm Đức Tài	2021	Tạp chí công thương	

161	Finalize the institution, policy on attracting foreign direct investment in Vietnam following the orientation of transparency, equality and appropriateness for the international practice	Phạm Đức Tài	2021	Journal of Finance & Accounting Research	
162	Tỷ giá VNĐ và chính sách tỷ giá tác động đến nâng cao sức cạnh tranh thương mại quốc tế	Phạm Thị Phương Thảo	2017	Bộ Công thương	
163	Hành vi chuyển giá của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam	Phạm Thị Phương Thảo	2018	Kỷ yếu hội thảo quốc gia: Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam	
164	Hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam trước cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	Phạm Thị Phương Thảo	2018	Bộ Công thương	
165	Tăng cường liên kết giữa khu vực FDI và doanh nghiệp trong nước nhằm nâng cao hiệu quả dòng vốn FDI	Phạm Thị Phương Thảo	2018	Kỷ yếu khoa học hội thảo Quốc gia: Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững	
166	International Journal of Management Sciences and Business Research	Phạm Thị Phương Thảo	2020	Overview of Trade Facilitation Agreements	

167	Theory Model about Tax Administration and Tax Compliance	Phạm Thị Phương Thảo	2020	Case Studies Journal	
168	The Effects of the Participation of Rural Residents to New Rural Construction in Viet Nam Red River Region	Phạm Thị Phương Thảo	2021	American Based Research Journal	
169	Real Situation of Construction of New Rural Resources in Vietnam River Delta	Phạm Thị Phương Thảo	2021	American Based Research Journal	
170	Thành tựu và khó khăn trong quá trình cải cách thể chế kinh tế ở Việt Nam	Phạm Thị Phương Thảo	2021	Bộ Công thương	
171	Một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngân hàng	Phạm Thị Phương Thảo	2021	Bộ Công thương	
172	Chống chuyển giá - học hỏi được gì từ các quốc gia trên thế giới	Trương Thị Thảo	2017	2017, kỷ yếu hội thảo quốc gia giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam, Đại học Kinh Tế Quốc Dân.	
173	Ngân hàng số: tương lai của ngành ngân hàng	Trương Thị Thảo	2019	Tạp chí châu á thái bình dương	
174	Tại sao các ngân hàng Việt Nam lại tập trung vào lĩnh vực bán lẻ?	Trương Thị Thảo	2019	Tạp chí châu á thái bình dương	

175	GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH ĐẾN GIAI ĐOẠN 2025-2030	Trương Thị Thảo	2021	Tạp chí công thương	
176	NGÀNH THUẾ VỚI THÁCH THỨC CHỐNG GIAN LẬN, THẤT THU THUẾ	Trương Thị Thảo	2021	Tạp chí công thương	
177	“The Effect of Strategic Management Accounting on the Performance of Vietnamese Enterprises”	Trương Thị Thảo	2021	Case Studies Journal	
178	“Factors Affecting Strategic Management Accounting”.	Trương Thị Thảo	2021	<i>Case Studies Journal</i>	
179	“The Relationship between Tax Administration and Tax Compliance”	Trương Thị Thảo	2020	“Case Studies Journal”	
180	“Overview of Arbitration and Online”	Trương Thị Thảo	2020	“International Journal of Management Sciences and Business Research”	
181	Thực trạng và giải pháp thu hồi nợ bảo hiểm xã hội của các doanh nghiệp tại Việt Nam	Nguyễn Thị Kim Thoa	2017	Tạp chí công thương	
182	Các nhân tố ảnh hưởng tới chuyển giá và kiểm soát chuyển giá ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Kim Thoa	2017	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Chuyển giá và kiểm soát hoạt động chuyển giá: những vấn đề lý luận và bài học	

				kinh nghiệm”, Đại học Kinh tế Quốc dân	
183	Đánh giá hiệu quả sử dụng chính sách thuế thu hút vốn FDI trong chiến lược phát triển bền vững và giải pháp	Nguyễn Thị Kim Thoa	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: "Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững"-Đại học kinh tế quốc dân	
184	Phân tích tác động của các FTA thế hệ mới	Nguyễn Thị Kim Thoa	2020	Tạp chí công thương	
185	Bài học cho Việt Nam trong thu hút vốn FDI bằng thuế và các ưu đãi	Nguyễn Thị Kim Thoa	2020	Tạp chí công thương	
186	Proposed an Expected Research Model of Factors Affecting Employee Satisfaction	Nguyễn Thị Kim Thoa	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
187	Overview of Commercial Bank Loans to Business and Individual Customers	Nguyễn Thị Kim Thoa	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
188	Hướng phát triển kinh tế du lịch biển đảo tại Quảng Ninh	Nguyễn Thị Kim Thoa	2021	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Giải pháp phát triển kinh tế-xã hội và nguồn lực du lịch địa phương” – Đại Học Kinh Bắc	
189	Bài học phát triển kinh tế du lịch tỉnh – Bài học tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Thị Kim Thoa	2021	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Giải pháp phát triển kinh tế-xã hội và nguồn lực du lịch địa	

				phương” – Đại Học Kinh Bắc	
190	Exchange Rate Exposure in Vietnam	Đỗ Thị Kim Thu	2021	International Journal of Management Sciences and Business Research	
191	Biện pháp thu hút vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp vào VN trong giai đoạn hiện nay	Đỗ Thị Kim Thu	2017	Tạp chí Công thương	
192	Thực trạng về rủi ro thanh khoản tại NH NN và PTNT	Đỗ Thị Kim Thu	2018	Tạp chí Công thương	
193	Vấn đề nợ xấu tại các tổ chức tín dụng và giải pháp khắc phục	Đỗ Thị Kim Thu	2018	Tạp chí Công thương	
194	Cơ hội và thách thức về nguồn nhân lực VN trước nền kinh tế số	Đỗ Thị Kim Thu	2019	Hội thảo khoa học Quốc gia “Vai trò của chi thức trẻ VN trong nền kinh tế số”	
195	Phát triển kinh tế du lịch Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng	Đỗ Thị Kim Thu	2021	Kỷ yếu hội thảo Quốc gia”Giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và nguồn lực du lịch địa phương”	
196	Tác động của sức mạnh thị trường tới hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Đỗ Thị Kim Thu	2021	Tạp chí khoa học & Công nghệ trường đại học kinh tế kỹ thuật – Công nghiệp	
197	Opportunities and Challenges for Vietnamese Businesses When Investing in Asea	Đỗ Thị Kim Thu	2021	<i>Case Studies Journal Vol-10, Issue 1, Jan 2021,</i>	
198	Vấn đề an ninh mạng trong hoạt động thương	Lý Thị Thúy	2017	Tạp chí công thương	

	mại điện tử của Vietinbank				
199	Doanh nghiệp Việt không ngừng đổi mới sáng tạo	Lý Thị Thúy	2018	Kỷ yếu hội thảo quốc gia: “Đánh giá thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo và tác động của nó tới năng suất, chất lượng và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp- nghiên cứu điển hình ngành nông nghiệp Việt Nam”- Đại học kinh tế quốc dân.	
200	Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong cải cách giáo dục và bài học cho Việt Nam	Lý Thị Thúy	2019	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học : Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị với Việt Nam”- Đại học kinh tế quốc dân	
201	Corporate Social Responsibility	Lý Thị Thúy	2020	<i>International Journal of Management Sciences and Business Research</i>	
202	Khó khăn của doanh nghiệp nhỏ khi tiếp cận vốn ngân hàng.	Lý Thị Thúy	2021	Tạp chí công thương	
203	Sử dụng phương pháp xác định giá thị trường ngăn chặn chuyển giá tại các công ty đa quốc gia ở VN	Nguyễn Thị Tình	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam” – Đại học Kinh tế quốc dân	

204	Hoạt động cải cách hành chính của Ngân hàng nhà nước và kết quả đạt được	Nguyễn Thị Tình	2019	Tạp chí Công Thương	
205	Đào tạo nghề nhằm tạo công ăn việc làm cho người lao động vùng dân tộc	Nguyễn Thị Tình	2020	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “ Dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc	
206	Phát triển hoạt động cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Tây Đô	Nguyễn Thị Tình	2020	Tạp chí Khoa học & Công nghệ	
207	Giải pháp quản lý nợ xấu tại các Ngân hàng	Đặng Thu Trang	2017	Tạp chí Công Thương	
208	Xu thế chuyển giá của doanh nghiệp Việt trước bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0	Đặng Thu Trang	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: "Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam", Đại học Kinh tế quốc dân	
209	FDI tác động đến nguồn lao động trong nước	Đặng Thu Trang	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: "Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững", Đại học Kinh tế quốc dân	
210	Literature Review Loan Default in Peer To Peer Lending	Đặng Thu Trang	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	

211	Relationship between Intellectual Property and Global Innovation Index: Literature Review	Đặng Thu Trang	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
212	Theoretical Literature on Seasoned Equity Offerings	Đặng Thu Trang	2021	American Based Research Journal	
213	Covariance Matrix for Portfolio Selection on Vietnam Stock Market	Đặng Thu Trang	2021	American Based Research Journal	
214	Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm gắn liền với vai trò của Marketing	Đặng Thu Trang	2021	Tạp chí Công Thương	
215	Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam	Đặng Thu Trang	2021	Tạp chí Công Thương	
216	Tín dụng ngân hàng trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới	Lê Minh Trang	2018	Tạp chí Công thương	
217	Tác động của tín dụng ngân hàng tới thu nhập hộ gia đình trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới	Lê Minh Trang	2018	Tạp chí Công thương	
218	Tác động của tín dụng chính sách do Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện tới hộ nghèo tại vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam	Lê Minh Trang	2019	Tạp chí Công thương	
219	Các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách tín dụng đối với hộ nghèo do	Lê Minh Trang	2019	Tạp chí Công thương	

	Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện				
220	The Situation Of Poverty Support Credit Policy In Vietnam	Lê Minh Trang	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
221	Dân số và các vấn đề về giảm nghèo	Lê Minh Trang	2020	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia :“Định hướng công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dân số và phát triển giai đoạn 2021 – 2030”	
222	Sử dụng entropy đo lường thông tin chứa trong chuỗi giá và dự báo khả năng xảy ra suy giảm tài chính – một nghiên cứu thực nghiệm ở thị trường chứng khoán Việt Nam	Lê Minh Trang	2020	Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “Công cụ toán – thống kê trong nghiên cứu kinh tế - tài chính”	
223	Ngành Logistics và bài toán nhân lực	Lê Minh Trang	2021	Tạp chí Công thương	
224	Phát triển hoạt động cho vay hộ kinh doanh tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Lý Thái Tổ	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	2017	Tạp chí Khoa học công nghệ	
225	Tác động của vốn FDI đến nền kinh tế và giải pháp sử dụng hiệu quả	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững”, Đại học Kinh tế quốc dân	
226	Đo lường mức độ chuyển giá trong các	Nguyễn Thị	2019	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Giải pháp	

	doanh nghiệp FDI tại Việt Nam	Quỳnh Trang		hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp Việt Nam”, Đại học Kinh tế quốc dân	
227	Hợp tác quốc tế - Thời cơ và thách thức trong tiến trình nâng cao hiệu quả quản lý Giáo dục Đại học Việt Nam	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	2020	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “ Quản lý nhà nước đối với Giáo dục đại học: Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam”	
228	Hoạt động hiệu quả của ngân hàng gắn liền với quản lý rủi ro tín dụng	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	2021	Tạp chí Công Thương	
229	Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đến ngành du lịch	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	2021	Tạp chí Công Thương	
230	Giải pháp nào phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam?	Phạm Thị Diệu Phúc	2017	Thanh tra Tài chính	
231	Nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xỏ số kiến thiết truyền thống	Phạm Thị Diệu Phúc	2018	Khoa học và Công nghệ trường ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	
232	Phát triển công nghiệp phụ trợ nhằm thu hút vốn FDI	Phạm Thị Diệu Phúc	2018	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát	

				triển bền vững”, Đại học Kinh tế quốc dân	
233	Quan điểm và phương pháp xây dựng định mức lao động mới cho giáo viên phổ thông	Phạm Thị Diệu Phúc	2019	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Cơ sở khoa học và thực trạng hệ thống định mức lao động, kinh tế, kỹ thuật của giáo viên phổ thông và cơ chế quản lý nhân sự trong các trường công lập theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông” - Đại học Kinh tế Quốc Dân	
234	Thực thi EVFTA: những giải pháp trọng tâm cho doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19	Phạm Thị Diệu Phúc	2020	Công thương	
235	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các trường đại học	Phạm Thị Diệu Phúc	2021	Công thương	
236	Impact of Innovative Capacity on Intellectual Property: Literature Review	Phạm Thị Diệu Phúc	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
237	Theoretical Basis of Interest Channel Effect in Operation of Money Policy	Phạm Thị Diệu Phúc	2021	Case Studies Journal	
238	Factors Affecting the Effect of Interest Channel in Operation of	Phạm Thị Diệu Phúc	2021	Case Studies Journal	

	Monetary Policy in Vietnam				
239	Chất lượng tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần và đầu tư phát triển Việt Nam- chi nhánh Quang Trung	Trần Thanh Phúc	2017	Tạp chí Công thương	
240	Minh bạch thông tin tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	Trần Thanh Phúc	2018	Tạp chí Công thương	
241	Phát triển cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam- Chi nhánh Trung tâm bán	Trần Thanh Phúc	2019	Tạp chí Công thương	
242	Phát triển dịch vụ Mobile Banking tại Ngân hàng VCB	Trần Thanh Phúc	2021	Tạp chí khoa học công nghệ- Trường đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	
243	Đánh giá các nhân tố tác động đến hành vi gian lận báo cáo tài chính công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Vũ Thị Thục Oanh	2017	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia của trường Đại học Quy nhơn	
244	Thực trạng tình hình gian lận báo cáo tài chính công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Vũ Thị Thục Oanh	2017	Tạp chí Tài chính	

245	Kết quả nghiên cứu về các nhân tố tác động đến hành vi gian lận báo cáo tài chính công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Vũ Thị Thục Oanh	2017	Tạp chí Công Thương	
246	Chất lượng đào tạo giáo dục bậc đại học ngành Tài chính ngân hàng trước bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, tại trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Vũ Thị Thục Oanh	2019	Tạp chí Khoa học & Công nghệ	
247	Nghiên cứu các nhân tố tác động đến sự phát triển của thị trường trái phiếu chính phủ trong bối cảnh hội nhập tài chính	Vũ Thị Thục Oanh	2020	Tạp chí Khoa học & Công nghệ	
248	Đánh giá sự tác động của cơ cấu vốn đến rủi ro tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	Vũ Thị Thục Oanh	2021	Tạp chí Khoa học & Công nghệ	
249	Nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn của các Ngân hàng thương mại	Nguyễn Hồng Yến, Vũ Thị Kim Thanh	Số 4+5 Tháng 4/2017	Báo Công Thương Tạp chí – Cơ quan thông tin lý luận của Bộ công thương	
250	Những phân tích và đề xuất cho hoạt động điều hành chính sách tỷ giá	Nguyễn Hồng Yến	Số 4 tháng 4/2017	Báo Công Thương Tạp chí – Cơ quan thông tin lý luận của Bộ công thương	

	của Ngân hàng nhà nước				
251	Minh bạch thông tin tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	Nguyễn Hồng Yến, Trần Thanh Phúc	Số 5+6 tháng 4/2018	Báo Công Thương Tập chí – Cơ quan thông tin lý luận của Bộ công thương	
252	Thực trạng nguồn nhân lực ngành Bảo hiểm Việt Nam	Nguyễn Hồng Yến	Số 4 tháng 3/2019	Tạp chí Công Thương Tập chí – Cơ quan thông tin lý luận của Bộ công thương	
253	Phân tích nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự thiếu hụt nguồn nhân lực ngành bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2020-2025	Nguyễn Hồng Yến	Số 7 tháng 4/2019	Tạp chí Công Thương Tập chí – Cơ quan thông tin lý luận của Bộ công thương	
254	Chất lượng đào tạo giáo dục bậc đại học ngành Tài chính – Ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0 tại trường Đại học Kinh tế - kỹ thuật công nghiệp	Vũ Thị Thục Oanh, Nguyễn Hồng Yến	5/2019	Tạp chí khoa học & công nghệ - trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	
255	Kinh tế Việt Nam 3 tháng đầu năm và những thách thức đối với 9 tháng cuối năm 2020	Nguyễn Hồng Yến	4/2020	Tạp chí Công Thương Tập chí – Cơ quan thông tin lý luận của Bộ công thương	
256	Thị trường bảo hiểm Việt Nam năm 2019 tiếp tục phát triển tạo đà vững chắc năm 2020	Nguyễn Hồng Yến	5/2020	Tạp chí khoa học & công nghệ - Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	

257	Một số đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các sàn giao dịch công nghệ	Nguyễn Hồng Yến	10/2020	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian trên thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam” thuộc Chương trình 2075	
258	Vấn đề rủi ro tài chính trong Doanh nghiệp	Nguyễn Hồng Yến	6/2021	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
259	Literature Review About Strategic Market Plan and Propose Research Model	Nguyễn Hồng Yến	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
260	Cơ sở pháp lý đối với sự phát triển của thị trường quyền chọn ngoại tệ tại Việt Nam	Trần Ngọc Vân	2017	Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, số cuối, tháng 4, 2017	
261	Tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại thành phố Nam Định	Trần Ngọc Vân	2018	Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, số cuối, tháng 4, 2018	
262	Nâng cao chất lượng tín dụng cho các hộ sản xuất gia đình tại thành phố Nam Định	Trần Ngọc Vân	2018	Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, số cuối, tháng 5, 2018	
263	Giải pháp nâng cao hiệu quả của vốn tín dụng đối với kinh tế nông hộ trên	Trần Ngọc Vân	2019	Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, số cuối tháng 4 năm 2019	

	địa bàn huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định				
264	Giải pháp phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	Trần Ngọc Vân	2019	Công thương, số 5- tháng 4/2019	
265	Thực trạng động cơ học tập của sinh viên bậc đại học ngành tài chính - ngân hàng, trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp”	Trần Ngọc Vân	2020	Tạp chí khoa học công nghệ - ĐHKTKTCN- số 22	
266	Huy động vốn cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn huyện Vụ Bản,tỉnh Nam Định	Trần Ngọc Vân	2020	Công thương, số 7- tháng 4 2020	
267	Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn tỉnh Nam Định	Trần Ngọc Vân	2021	Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, số cuối tháng 4 năm 2021	
268	Giải pháp tăng thu từ các dịch vụ phi tín dụng tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Trần Ngọc Vân	2021	Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, số tháng 3 năm 2021	
269	Vấn đề cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước	Vũ Thị Bích Hào	2017	Tạp chí Công thương	
270	Hoạt động quản lý dự trữ ngoại hối tại Ngân	Vũ Thị Bích Hào	2018	Tạp chí Công thương	

	hàng Nhà nước Việt Nam				
271	Quản trị rủi ro tín dụng tại NHNo&PTNT chi nhánh Lào Cai	Vũ Thị Bích Hào	2018	Tạp chí châu Á- Thái Bình Dương	
272	Phát triển dịch vụ thanh toán qua ngân hàng tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Nam Định	Vũ Thị Bích Hào	2019	Tạp chí Công thương	
273	Vốn tự có của NHTM Việt Nam – Giải pháp tăng vốn tự có của NHTM trong thời gian tới	Vũ Thị Bích Hào	2019	Tạp chí Công thương	
274	Ứng dụng Khoa học công nghệ 4.0 vào ngành nông nghiệp	Vũ Thị Bích Hào	2020	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia	
275	FDI and Import-Export Activities in Vietnam	Vũ Thị Bích Hào	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
276	International Experience in the Improvement of the positive impact of FDI on Import and Export for Vietnam	Vũ Thị Bích Hào	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
277	SWOT Analysis for Vietnam Commercial Bank	Vũ Thị Bích Hào	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
278	Exchange Rate Exposure in VietNam	Vũ Thị Bích Hào	2021	International Journal of Management Sciences and Business Research	

279	Các giải pháp hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn tín dụng để phục vụ phát triển	Vũ Thị Bích Hảo	2021	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	
280	Giải pháp mở rộng gói cho vay an sinh xã hội	Đoàn Phương Ngân	2017	Tạp chí Công thương	
281	Phát triển dịch vụ cho vay mua nhà trả góp tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Nam Định	Đoàn Phương Ngân	2018	Tạp chí châu Á- Thái Bình Dương	
282	Bài toán tăng vốn tại các NHTM	Đoàn Phương Ngân	2018	Tạp chí Công thương	
283	Xây dựng thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam	Đoàn Phương Ngân	2019	Tạp chí Công thương	
284	Nợ công Việt Nam : Dự báo những rủi ro và biện pháp phòng ngừa	Đoàn Phương Ngân	2019	Tạp chí Công thương	
285	Tái cơ cấu ngành khoa học và công nghệ và giải pháp thực hiện	Đoàn Phương Ngân	2020	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia	
286	Khai thác sáng chế và giải pháp hữu ích trong ngành nông nghiệp ở Việt Nam	Đoàn Phương Ngân	2020	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia	
287	FDI and Import-Export Activities in Vietnam	Đoàn Phương Ngân	2021	International Journal of Management Sciences and Business Research	

288	International Experience in the Improvement of the Positive Impact of FDI on Import and Export for Vietnam	Đoàn Phương Ngân	2021	International Journal of Management Sciences and Business Research	
289	Nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn của các Ngân hàng thương mại	Thị Kim Thanh	2017	Tạp Chí Công Thương	
290	Phân tích và giải pháp cải thiện tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thép Bắc Việt	Thị Kim Thanh	2018	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
291	Minh bạch thông tin – Vấn đề cấp thiết của thị trường chứng khoán Việt Nam	Thị Kim Thanh	2019	Tạp chí Công thương	
292	Dịch vụ ngân hàng điện tử - xu hướng thanh toán trong thời kỳ hội nhập	Thị Kim Thanh	2019	Tạp chí Công thương	
293	Solutions to Enhance Enterprise Resource Planning Application in Retail Enterprise, Vietnamese	Thị Kim Thanh	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
294	International Experience in the Improvement of the positive impact of FDI on Import and Export for Vietnam	Thị Kim Thanh	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	

295	Thúc đẩy thương mại hóa sáng chế công nghệ nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ	Thị Kim Thanh	2020	Kỷ yếu quốc gia	
296	Giải pháp xây dựng mô hình quyền chọn chứng khoán ở Việt Nam	Thị Kim Thanh	2021	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
297	Minh bạch thông tin - Vấn đề cấp thiết của thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Thúy	2018	Tạp chí Công Thương	
298	Nợ công Việt Nam: Dự báo những rủi ro và biện pháp phòng ngừa	Nguyễn Thị Thanh Thúy	2018	Tạp chí Công Thương	
299	Cơ hội và thách thức đối với Ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh tham gia Cộng đồng kinh tế Asean	Nguyễn Thị Thanh Thúy	2019	Tạp chí Công Thương	
300	Kinh nghiệm sử dụng chính sách tiền tệ ngăn chặn bất ổn tài chính tại Mỹ và bài học cho Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Thúy	2019	Tạp chí Công Thương	
301	Định hướng phát triển các sàn giao dịch công nghệ trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0	Nguyễn Thị Thanh Thúy	2020	Kỷ yếu quốc gia	
302	Solutions to Enhance Enterprise Resource Planning Application in	Nguyễn Thị Thanh Thúy	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	

	Retail Enterprise, Vietnamese				
303	International Experience in the Improvement of the positive impact of FDI on Import and Export for Vietnam	Nguyễn Thị Thanh Thúy	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
304	SWOT Analysis for Vietnam Commercial Bank	Nguyễn Thị Thanh Thúy	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
305	Experience of Companies in Asia on Solving Plastic Waste Problem	Ngô Hoài Nam	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
306	Plastics Consumption Trend: Literature Review	Ngô Hoài Nam	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
307	Evaluation of Real Situation of Enterprise Resource Planning In Vietnam	Ngô Hoài Nam	2020	International Journal of Management Sciences and Business Research	
308	Cách thức chuyển giá của các DN FDI ở Việt Nam	Ngô Hoài Nam	2018	Hội thảo quốc gia	
309	Tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2018 và nhiệm vụ đề ra cho năm 2019 trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Ngô Hoài Nam	2019	Hội thảo quốc gia	

310	Thiết lập cơ cấu vốn tối ưu tại các Doanh nghiệp Việt Nam	Đường Thị Thanh Hải	2017(số 4+5/tháng 4/2017)	Công thương	
311	Một số vấn đề đặt ra đối với tái cơ cấu các tổ chức tín dụng trong thời gian tới	Đường Thị Thanh Hải	2017	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “áp dụng Basel II trong quản trị rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam:cơ 2019hội, thách thức và lộ trình thực hiện”, trường ĐH Kinh tế Quốc dân, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	
312	Mô hình hồi quy nghiên cứu tác động của cấu trúc tài chính tới hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Đường Thị Thanh Hải	2019(số 3/ tháng 3/2019)	Công thương	
313	Mô hình hồi quy nghiên cứu các yếu tố tác động đến cấu trúc vốn tại các doanh nghiệp Việt Nam	Đường Thị Thanh Hải	2020	Khoa học công nghệ (ĐHKTKTCN)	
314	Hoàn thiện cấu trúc tài chính các ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế	Phùng Thị Lan Hương	2017	Tạp chí kinh tế đối ngoại	
315	Tăng cường khả năng cạnh tranh dịch vụ ngân hàng của các ngân hàng thương mại nhà nước của Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	2018	Tạp chí kinh tế đối ngoại	

316	Nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh ngoại tệ tại các NHTM Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	2019	Tạp chí kinh tế đối ngoại	
317	Tăng cường tiếp cận vốn tín dụng của DN vừa và nhỏ thông qua việc tăng cường năng lực quản trị DN	Phùng Thị Lan Hương	2020	Tạp chí quản lý và KTQT	
318	Thị trường ngoại hối toàn cầu và những hàm ý đối với Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	2020	Tạp chí quản lý và KTQT	
319	Quản lý chất lượng toàn diện(TQM) trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	Phùng Thị Lan Hương	2020	Hội thảo quốc gia	
320	Nâng cao hiệu quả tài chính của các NHTM Việt Nam thông qua việc tăng cường quản trị công ty	Phùng Thị Lan Hương	2021	Tạp chí KH và CN	

b) Hoạt động hợp tác quốc tế

Khoa Tài chính Ngân hàng đã tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường và Trường Đại học Bách khoa Hàn Quốc phối hợp thực hiện. Tháng 6 năm 2019 Khoa cử 03 SV tham gia chương trình trao đổi văn hoá Việt Hàn học tập tiếng Hàn Quốc.

2.2. Tóm tắt chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm và kế hoạch đào tạo.

Tên chương trình	:	Bảo hiểm	
Trình độ đào tạo	:	Đại học	
Ngành đào tạo	:	Bảo hiểm	Mã số: 7340204
Loại hình đào tạo	:	Chính quy	

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo người học phát triển một cách toàn diện, người tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ lao động tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Bảo hiểm phải nắm vững kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

Đào tạo người học hiểu biết và vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, ngoại ngữ và tin học. Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội và tài chính ngân hàng; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm.

- Về kỹ năng:

- Đào tạo người học thành thạo kỹ năng thực hành, có khả năng sáng tạo, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm. Có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện và tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Có năng lực ngoại ngữ tin học và các kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu nhân sự ngày càng cao trong nền kinh tế thị trường.

- Đào tạo người học khả năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như khả năng phối hợp làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp trong công việc.

- Về thái độ:

- Giúp người học xác định nghề nghiệp rõ ràng, chủ động đề xuất các giải pháp về chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm

- Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong nghề nghiệp chuyên nghiệp. Có kế hoạch không ngừng học hỏi,

trau dồi và bồi dưỡng chuyên môn cho bản thân. Nắm vững các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao.

- Trình độ tin học, ngoại ngữ:

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDT-BTTTT*)

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư số 17/2021):

2.1. Kiến thức:

- Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực

- Hiểu biết và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

- Nắm vững kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và năng lực thể chất.

- Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDT – BTTTT*)

- Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*Theo QĐ740/QĐ-DHKTKTCN ngày 20/10/2018*)

- Có khả năng hiểu, giải thích, phân tích các hiện tượng kinh tế, quy luật kinh tế, các chính sách kinh tế. Có khả năng thu thập và xử lý, phân tích số liệu thống kê kinh tế, hiểu và vận dụng nguyên lý kế toán, kế toán tài chính và quản trị doanh nghiệp.

- Hiểu các nguyên lý, kiến thức về tài chính, tiền tệ, bảo hiểm; ngân hàng; hoạt động của thị trường tài chính và các trung gian tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ; có khả năng phân tích, đánh giá tình hình kinh tế..

- Hiểu và phân tích, đánh giá các hoạt động cơ bản lĩnh vực bảo hiểm: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ

- Áp dụng và phân tích những vấn đề thực tiễn các kiến thức chuyên sâu về thị trường tài chính và bảo hiểm toàn cầu, hoạt động quản lý rủi ro bằng bảo hiểm trong các doanh nghiệp.

- Có khả năng đánh giá, phân tích, xây dựng quy trình đối với các hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực bảo hiểm

- Phân tích và lập kế hoạch hoạt động quản trị nghiệp vụ, tài chính, đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm, hoạt động tư vấn quản trị rủi ro – hoạch định tài chính cho các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế – xã hội.

2.2. Kỹ năng:

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ cơ bản liên quan tới các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, Ngân hàng, chứng khoán, đầu tư...

- Kỹ năng lập luận, nghiên cứu, tính toán và phân tích dữ liệu, xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề trong công việc, nghiên cứu các vấn đề cơ bản và chuyên sâu liên quan tới chuyên môn và ra quyết định trong hoạt động quản trị tại các đơn vị trong ngành Bảo hiểm.

- Áp dụng tốt kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin chuyên ngành làm cơ sở để ra các quyết định tài chính, bảo hiểm...; có khả năng hoàn thành tốt các công việc chuyên môn khác;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng giao tiếp: có tác phong chuyên nghiệp và khả năng hoàn thành mục tiêu trong giao dịch với các chủ thể liên quan; khả năng tiếp nhận yêu cầu và tạo dựng sự hài lòng trong giao tiếp với các đối tượng khách hàng được phân công;

- Kỹ năng thuyết trình các vấn đề về chuyên môn: có kỹ năng tổ chức trình bày, diễn đạt và truyền đạt tốt các vấn đề chuyên môn, giúp cho người nghe có thể hiểu rõ, thuyết phục và tạo sự đồng thuận của người nghe;

- Kỹ năng tư duy, làm việc độc lập: có kiến thức cơ sở vững chắc, kỹ năng tiếp cận, tư duy và tìm được phương án tốt nhất để giải quyết các vấn đề một cách độc lập; có kỹ năng quản lý thời gian và quản trị công việc.

- Kỹ năng làm việc theo nhóm: có kỹ năng tổ chức làm việc theo nhóm, chia sẻ ý kiến và thảo luận với các thành viên trong nhóm; có khả năng lãnh đạo nhóm, phân công nhiệm vụ, tạo động lực, giám sát hoạt động của nhóm, định hướng và nêu các ý tưởng mới về công việc, về sản phẩm của nhóm, tổng kết các vấn đề đưa ra thảo luận nhóm;

- Khả năng sử dụng phần mềm tin học và ngoại ngữ lĩnh vực Bảo hiểm

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có tư duy sáng tạo, có phẩm chất đạo đức, tinh thần làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác nhóm trong công việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- Có khả năng nghiên cứu khoa học; tự học hỏi; có năng lực phán xét, phản biện sự việc trong cuộc sống và đưa ra được chính kiến của mình với lý lẽ khoa học, phù hợp pháp luật;

- Trách nhiệm nghề nghiệp: Có trách nhiệm cao với các công việc được giao; luôn có tinh thần cầu thị, xây dựng và thực hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp; Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy; tôn trọng khách hàng; tuân thủ các quy định về chuyên môn nghiệp vụ.

- Trách nhiệm xã hội: Có trách nhiệm xã hội tốt đối với tập thể đơn vị và đối với cộng đồng; tuân thủ luật pháp và quy định của cơ quan làm việc; có ý thức xây dựng tập thể đơn vị;

2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Bảo hiểm có thể đảm nhiệm công việc tại các Tổ chức tín dụng; các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp trong và ngoài nước ở vị trí:

- **Tại khối các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính; ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Kho bạc Nhà nước; Tổng cục Thuế, chi cục thuế; Tổng cục Hải quan, chi cục hải quan; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; uỷ ban Giám sát Tài chính Quốc gia Việt Nam, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, v.v...; Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trung ương và địa phương, các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp...;

Vị trí: Chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm...và các vị trí chuyên môn khác về kinh tế, tài chính, bảo hiểm.

- **Tại các NHTM và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng:** Công ty bảo hiểm, Ngân hàng thương mại; Quỹ tín dụng, công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty tài chính;...và các tổ chức tài chính quốc tế...

Vị trí: chuyên viên định phí bảo hiểm, chuyên viên giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chuyên viên thẩm định bảo hiểm, chuyên viên quan hệ khách hàng, quản lý rủi ro, giám định tổn thất, giám định bồi thường,...

- **Tại khối các doanh nghiệp:** Công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia...

Vị trí: chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm...

- **Tại khối các cơ quan nghiên cứu, tư vấn:** học viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các trung tâm tư vấn tài chính độc lập...

Vị trí: giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia, tư vấn viên...

- **Trên thị trường tài chính - tiền tệ trong nước và quốc tế:** Chuyên gia tài chính, bảo hiểm, Nhà đầu tư cá nhân...

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học;

Có khả năng học tiếp thuận tiện các chương trình đào tạo cấp chứng chỉ nghề nghiệp trong nước và quốc tế.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 146 tín chỉ (*Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC)*)

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 39 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 107 tín chỉ
 - Phần lý thuyết 71 tín chỉ
 - Phần thực hành, thực tập, đồ án 27 tín chỉ
 - Khóa luận tốt nghiệp 9 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Thông tư số: 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 18 tháng 03 năm 2021 ban hành quy chế trình đào tạo trình độ đại học và Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

6. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 4

- Cách thức đánh giá thực hiện theo Thông tư số: 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 18 tháng 03 năm 2021 ban hành quy chế trình đào tạo trình độ đại học và Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Nội dung chương trình:

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/T L,Tự học)	Ghi chú
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (39 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)				39		
	7.1.1. Lý luận chính trị			11		
001535	Triết học Mác-lênin	Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT	3	(33,24,90)	x
001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	LLCT	2	(21,18,60)	x
001537	CNXH Khoa học	Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách	LLCT	2	(21,18,60)	x

		mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.				
000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh.	LLCT	2	(21,18,60)	x
001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh.	LLCT	2	(21,18,60)	x
	7.1.2. Khoa học xã hội			2		

000585	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, kiến thức cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân - gia đình và Luật Lao động.	KHCB	2	(26,8,60)	x
	7.1.3. Nhân văn - Nghệ thuật			0		
	7.1.4. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học			7		
001053	Đại số tuyến tính	Đại số tuyến tính nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về toán học làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành về sau. Nội dung học phần được chia thành 5 chương với 2 tín chỉ (Chương 1: Ma trận và định thức; Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính; Chương 3: Không gian véc tơ; Chương 4: Ánh xạ tuyến tính; Chương 5: Giá trị riêng, véc tơ riêng và dạng toàn phương).	KHCB	2	(26,8,60)	x
001102	Xác suất thống kê	Xác suất thống kê trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.	KHCB	3	(36,18,90)	x

001264	Quy hoạch tuyển tính	Quy hoạch tuyển tính đặc biệt quan trọng trong các ngành điều khiển kinh tế và quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các bài toán quy hoạch tuyển tính, các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyển tính, quy hoạch tuyển tính đối ngẫu, bài toán vận tải và thuật toán thế vị, lý thuyết sơ đồ mạng và ứng dụng trong việc quản trị dự án theo thời gian.	KHCB	2	(26,8,60)	x
7.1.5. Ngoại ngữ				16		
001942	1. Tiếng Anh 1	Học phần Tiếng anh cơ bản 1 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm,) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp từ bài 1 đến bài 4 của giáo trình Life A1-A2	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	Học phần Tiếng anh cơ bản 2 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm,) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp từ bài	NN	4	(48,24,120)	x

		5 đến bài 8 của giáo trình Life A1 – A2.				
001944	3. Tiếng Anh 3	Học phần Tiếng Anh cơ bản 3 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp từ bài 9 đến bài 12 của giáo trình Life A1-A2.	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	Học phần tiếng Anh cơ bản 4 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp từ bài 1 đến bài 4 của giáo trình Life A2-B1	NN	4	(48,24,120)	x
	7.1.6. Kiến thức bổ trợ			3		

002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	Học phần cung cấp các kiến thức về tự nhận thức bản thân là khả năng hiểu rõ chính xác bản thân mình, biết mình cần gì, muốn gì, đâu là điểm mạnh và điểm yếu của mình, nhận thức được tư duy và niềm tin của mình, cảm xúc và những động lực thúc đẩy cá nhân.	KHCB	1	(15, 0, 30)	x
002165	2. Kỹ năng nghề nghiệp - Bảo hiểm	Học phần Kỹ năng nghề nghiệp - Bảo hiểm cung cấp các kiến thức, kỹ năng hữu ích cho SV ngành Bảo hiểm: Kỹ năng tư vấn, kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng bán hàng...	KHCB	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	Học phần Kỹ năng phỏng vấn xin việc cung cấp các kỹ năng hữu ích cho SV giúp sinh viên có thể hoàn thành tốt các buổi phỏng vấn, xin việc của mình: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản lý thời gian...	KHCB	1	(15, 0, 30)	x
	7.1.7. Giáo dục thể chất		GDTC	4		x
000718	1. Giáo dục thể chất 1	Học phần giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1) trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực ; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.	GDTC	1	(0,30,30)	x

000719	2.Giáo dục thể chất 2	Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	Học phần Giáo dục thể chất 3 (Karate 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành cơ bản của môn Karate qua đó sinh viên sẽ biết lợi ích tác dụng của tập luyện Karate	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	Học phần Giáo dục thể chất 4 (Karate 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ sở khoa học của môn Karate; Vai trò, ý nghĩa, đặc điểm phân cấp của môn Karate. Sinh viên được trang bị kỹ thuật tay cơ bản nâng cao hơn so với học phần 1.	GDTC	1	(0,30,30)	x
	7.1.8. Giáo dục quốc phòng		GDTC	8		

002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1		GDTC	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2		GDTC	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3		GDTC	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4		GDTC	2	(4, 56, 0)	x
7.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (107 tín chỉ)				107		
	7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			23		
	7.2.1.1. Kiến thức bắt buộc			18		
000564	Kinh tế vi mô	Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.	DLKS	2	(26,8,60)	x

000565	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính- Ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.	DLKS	2	(26,8,60)	x
000568	Luật kinh tế	Luật kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính- Ngân hàng. Học phần này được bố trí giảng dạy sau học phần Pháp luật đại cương học phần trang bị cho người học những kiến thức về pháp luật trong hoạt động kinh doanh	DLKS	2	(26,8,60)	x
000681	Lý thuyết hạch toán kế toán	Lý thuyết hạch toán kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp	Kế toán	3	(39,12,90)	x

		tổng hợp cân đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong DN.				
001717	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán doanh nghiệp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ, và báo cáo tài chính.	Kế toán	3	(39,12,90)	x
001109	Tài chính - Tiền tệ	Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và tổng quát về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính bao gồm: Ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng và tài chính hộ gia đình và thông qua thị trường tài chính	TCNH	3	(39,12,90)	x
001957	Nguyên lý bảo hiểm	Nguyên lý bảo hiểm là một môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và sử dụng quỹ bảo hiểm, với 2 hình thức: Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại.	TCNH	3	(39,12,90)	x
	7.2.1.1. Kiến thức tự chọn			5		

000567	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê trang bị những vấn đề lý luận về khoa học thống kê: nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn gắn liền với các điều kiện không gian và thời gian cụ thể. Nội dung cơ bản của học phần là nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế-xã hội.	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001153	Quản trị doanh nghiệp	Môn học Quản trị doanh nghiệp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản khái quát về doanh nghiệp, chức năng nhiệm vụ và quản trị cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, hoạch định chương trình của quản trị doanh nghiệp. Đồng thời đi sâu vào vào một số nghiệp vụ quản trị cụ thể như: Quản trị nhân sự, kỹ thuật công nghệ, chi phí, kết quả, chính sách tài chính, quản trị vật tư và công tác kiểm soát trong doanh nghiệp.	QTKD	3	(39,12,90)	x
001743	Thống kê kinh doanh	Thống kê kinh doanh là môn học nhằm trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp. Giúp người học nắm được quá trình nghiên cứu thống kê trong doanh nghiệp, từ khâu thu thập, tổng hợp đến xử lý và phân tích dữ liệu; Đánh giá được vai trò của thống kê trong quá trình quản lý, điều hành, ra quyết định của doanh nghiệp.	DLKS	2	(26, 8, 60)	

001195	Kinh tế lượng	Học phần đề cập nội dung giúp cho người học có thể xây dựng, ước lượng, phân tích, đánh giá và dự báo với mô hình 1 phương trình đơn giản. Bước đầu giúp người học biết cách giải quyết các bài toán kinh tế thông qua việc xây dựng mô hình kinh tế lượng và ứng dụng mô hình nhằm đưa ra các quyết định trong kinh tế và kinh doanh.	DLKS	3	(39,12,90)	
	7.2.2. Kiến thức chung của ngành			56		
	<i>7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>			53		
000531	Tài chính doanh nghiệp 1	Tài chính doanh nghiệp là môn khoa học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan các vấn đề về tài chính của doanh nghiệp như công tác lập kế hoạch huy động các loại vốn; các quyết định đầu tư; lập kế hoạch chi phí, giá thành; kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận; các căn cứ và giải pháp tài chính trong quá trình sát nhập, hợp nhất và phá sản doanh nghiệp và kế hoạch hóa tài chính trong doanh nghiệp	TCNH	3	(39,12,90)	x
000913	Tiểu luận 1	Tiểu luận 1 giúp sinh viên thành thạo một số kỹ năng như: - Kỹ năng tư duy hiệu quả - Kỹ năng tổng hợp vấn đề - Kỹ năng phân tích - Đồng thời biết cách vận dụng các kiến thức thực tế và các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.	TCNH	2	(0,120,0)	x

000524	Ngân hàng thương mại	Ngân hàng thương mại là học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Ngân hàng thương mại, các nghiệp vụ của NHTM: huy động vốn, tín dụng, thanh toán qua NH, kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái, thanh toán quốc tế và cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ thanh toán quốc tế...	TCNH	3	(39,12,90)	x
001394	Thực tập: Tài chính doanh nghiệp 1	Thực tập Tài chính doanh nghiệp 1 rèn luyện khả năng lập các kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp, kế hoạch khấu hao tài sản cố định, kế hoạch vốn lưu động của doanh nghiệp, lựa chọn phương án đầu tư, lập kế hoạch giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp, lập báo cáo tài chính, báo cáo dòng tiền và khả năng phân tích tài chính trong DN	TCNH	3	(0,90,90)	x
001112	Thực tập: Ngân hàng thương mại	Thực tập ngân hàng thương mại là học phần cung cấp kỹ năng về thực hành các nghiệp vụ Ngân hàng thương mại dưới hai góc độ: một là dưới góc độ một nhà tài chính doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ của ngân hàng, hai là dưới góc độ một nhân viên ngân hàng thực hiện các nghiệp vụ của mình. Trang bị những kiến thức cập nhật những thủ tục, nguyên tắc của hệ thống ngân hàng thương	TCNH	3	(0,90,90)	x

		mai đang được áp dụng phổ biến nhất tại Việt Nam				
001304	An sinh xã hội	Học phần là một môn khoa học cung cấp kiến thức cho sinh viên nhận thức an sinh xã hội; hệ thống khái niệm và lý thuyết riêng; quá trình hình thành và phát triển; quan hệ giữa An sinh xã hội, Công tác xã hội và Chính sách xã hội. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên hiểu rõ hệ thống an sinh xã hội thế giới, sự hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam, quan hệ giữa hệ thống an sinh xã hội với hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị, các lĩnh vực của an sinh xã hội trong quá trình phát triển xã hội	TCNH	3	(39,12,90)	x
001393	Thị trường chứng khoán	Học phần Thị trường chứng khoán trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, cơ chế tổ chức hoạt động và giao dịch của thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, nghiệp vụ phát hành chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán. Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích trên thị trường chứng khoán, phân tích và quản lý danh mục đầu tư và thủ tục thực hiện. Vận	TCNH	3	(39,12,90)	x

		dụng kiến thức đã học vào công việc kinh doanh một cách có hiệu quả				
002109	Bảo hiểm nhân thọ	Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên về hệ thống khái niệm và lý thuyết riêng; quá trình hình thành và phát triển; các loại hình bảo hiểm nhân thọ cơ bản và nguyên lý của hoạt động bảo hiểm nhân thọ. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên hiểu rõ những kiến thức thực tiễn cần thiết về nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm nhân thọ do các công ty bảo hiểm nhân thọ chuyên nghiệp cung cấp trong bối cảnh môi trường kinh tế, xã hội, pháp lý của Việt Nam.	TCNH	3	(26,8,60)	x
001293	Đầu tư tài chính	Học phần đầu tư tài chính trang bị cho người học nắm được những quy tắc cơ bản của việc phân tích, định giá và ra quyết định đầu tư vào các loại tài sản tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh; từ góc độ đầu tư vào từng loại tài sản riêng lẻ đến đầu tư tạo thành các danh mục đầu tư tối ưu	TCNH	3	(39,12,90)	x
001252	Bảo hiểm phi nhân thọ	Học phần Bảo hiểm phi nhân thọ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, pháp lý và thương mại của các nhóm nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ chủ yếu như bảo hiểm hàng hải; bảo hiểm tài sản	TCNH	3	(36,18,90)	x

		và kỹ thuật; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm sức khỏe và các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác trong DNBH phi nhân thọ.				
001116	Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm trang bị cho sinh viên những kiến thức phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp bảo hiểm: mục đích, nội dung, phương pháp, hệ thống các chỉ tiêu và phân tích, đánh giá tình hình tài chính, phục vụ cho quá trình ra quyết định quản lý ở các doanh nghiệp bảo hiểm	TCNH	3	(39,12,90)	x
000533	Tài chính quốc tế	Tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế với các nội dung về khung cảnh và cấu trúc môi trường tiền tệ và tài chính toàn cầu, các lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Phần III bao hàm các khía cạnh nghiên cứu chuyên sâu về sự vận động của tỷ giá và tác động của nó đến các lĩnh vực hoạt động kinh tế ngày nay.	TCNH	3	(39,12,90)	x

001600	Bảo hiểm hàng hải	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm thân tàu biển, bảo hiểm tàu cá, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển và tàu cá hoạt động trong vùng nước nội thủy và vùng biển Việt Nam; nhằm giúp cho người học biết cách bảo vệ lợi ích của chủ tàu, chủ hàng và các bên có liên quan trong vận chuyển hàng hóa bằng đường biển.	TCNH	3	(30,0,60)	x
001599	Thực tập: Bảo hiểm nhân thọ	Thực tập Bảo hiểm nhân thọ là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, tính toán các chi phí và lập các hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ	TCNH	3	(0,90,90)	x
001598	Thực tập: Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	Thực tập Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp bảo hiểm: nội dung, phương pháp, hệ thống các chỉ tiêu và phân tích, đánh giá tình hình tài chính, phục vụ cho quá trình ra quyết định quản lý ở các doanh nghiệp bảo hiểm.	TCNH	3	(0,90,90)	x
001593	Định giá tài sản	Định giá tài sản là một môn khoa học về định giá tài sản; thông qua đó xác định giá trị tài sản (bất động sản, máy móc thiết bị, doanh nghiệp...) theo các tiêu chí đã định nhằm đạt được các mục đích của mỗi chủ thể.	TCNH	3	(39,12,90)	x

001588	Bảo hiểm thương mại	Bảo hiểm thương mại trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về nguyên tắc bảo hiểm, quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các kỹ thuật xác định rủi ro của các nhóm nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu như bảo hiểm hàng hải; bảo hiểm tài sản và kỹ thuật; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm hỏa hoạn; bảo hiểm xây dựng và lắp đặt; bảo hiểm trách nhiệm dân sự ; bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ	TCNH	3	(39,12,90)	x
001589	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội trang bị cho người học những kiến thức về nội dung và khái niệm về bảo hiểm xã hội, các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc (thai sản, ốm đau, hưu trí, tai nạn, tử tuất và thất nghiệp) và bảo hiểm tự nguyện, tài chính bảo hiểm và quản lý quỹ bảo hiểm xã hội	TCNH	3	(39,12,90)	x
7.2.2.2. Kiến thức tự chọn				3		
001111	Tài chính công	Tài chính công cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính công theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế: nghiên cứu về khu vực công, tài chính của khu vực công, thu chi ngân sách nhà nước, hiệu quả và công bằng xã hội thông qua các định lý về hiệu quả của kinh tế học phúc lợi, thuế và tác động của thuế tới phân phối thu nhập và hiệu quả kinh tế.	TCNH	3	(39,12,90)	x

001597	Lập và phân tích dự án đầu tư	Học phần lập và phân tích dự án đầu tư cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình lập và thẩm định dự án đầu tư bao gồm: Quá trình hình thành dự án đầu tư, thẩm định và phân tích dự án đầu tư trên cơ sở dựa vào các chỉ tiêu: NPV, BCR, IRR,...trong điều kiện không có rủi ro, có rủi ro và các biện pháp quản lý dự án đầu tư trong quá trình thực hiện.	TCNH	3	(36,18,90)	
7.2.3.Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng				28		
1583	Tái bảo hiểm	Tái bảo hiểm trang bị cho người học những kiến thức về bản chất của tái bảo hiểm và những nguyên tắc pháp lý chi phối tái bảo hiểm, các quan hệ trong hợp đồng tái bảo hiểm, những lợi ích khác nhau của tái bảo hiểm và các nguyên tắc rủi ro về thảm họa.	TCNH	3	(39,12,90)	x
001587	Thực tập: Bảo hiểm xã hội	Trang bị khả năng thực hành thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội bao gồm chế độ ốm đau, chế độ thai sản, chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, chế độ nghỉ hưu, chế độ tử tuất và bảo hiểm thất nghiệp. Trang bị những kiến thức cập nhật những thủ tục, nguyên tắc, quy trình bảo hiểm và hồ sơ bảo hiểm xã hội theo luật bảo hiểm xã hội Việt Nam.	TCNH	3	(0,90,90)	x
001586	Thực tập: Bảo hiểm hàng hải	Trang bị khả năng thực hành các nghiệp vụ bảo hiểm hàng hải, tính toán các chi phí và lập các hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực bảo hiểm	TCNH	3	(0,90,90)	x

		hàng hải như: hợp đồng bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường biển, bảo hiểm thân tàu thủy, bảo hiểm P&I.				
001594	Tiểu luận 2 (Kiến tập doanh nghiệp)	Tiểu luận môn học 2 giúp sinh viên thành thạo một số kỹ năng như: - Kỹ năng tư duy hiệu quả - Kỹ năng tổng hợp vấn đề - Kỹ năng phân tích - Kỹ năng mô hình hóa vấn đề - Đồng thời biết cách vận dụng các kiến thức thực tế và các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.	TCNH	2	(0,120,0)	x
	Quản trị rủi ro bảo hiểm	Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các công ty bảo hiểm. Học phần tập trung phân tích và lượng hóa các loại rủi ro trong các định chế phi tài chính này, từ đó thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp, hiệu quả đối với loại hình công ty bảo hiểm như công ty bảo hiểm nhân thọ, công ty bảo hiểm phi nhân thọ.	TCNH	3	(39,12,90)	x
	Thực Tập Cuối Khóa	Thực tập cuối khóa giúp sinh viên vận dụng lý thuyết và kiến thức tổng hợp các học phần thuộc ngành Bảo hiểm vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm.	TCNH	5	(0/300/0)	x
	Khóa luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành Bảo hiểm.	TCNH	9	(0/540/0)	

	5. Thẩm định tín dụng	Thẩm định tín dụng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thẩm định tín dụng của Ngân hàng như sau:khái quát về thẩm định tín dụng, thẩm định năng lực pháp lý, năng lực tài chính của khách hàng, thẩm định phương án sản xuất kinh doanh, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay, xếp hạng tín dụng và lập tờ trình thẩm định.	1294	3	(36,18,90)	x
	6. Thị trường công cụ phái sinh	Thị trường công cụ phái sinh giới thiệu và phân tích các công cụ phái sinh như Hợp đồng kỳ hạn (Forward), Hợp đồng tương lai (Future), Hợp đồng hoán đổi (Swap), và Hợp đồng quyền chọn (Options).	1295	3	(39,12,90)	x
	7. Định phí bảo hiểm	Định phí bảo hiểm là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác định phí bảo hiểm, dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, những kiến thức thực tiễn cần thiết về nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm thương mại do các công ty bảo hiểm chuyên nghiệp cung cấp trong bối cảnh môi trường kinh tế, xã hội, pháp lý của Việt Nam.	1584	3	(39,12,90)	x

Ghi chú:

Các học phần lý thuyết ký hiệu kết cấu $N(a,b,c)$ được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: a (với $a=N \times (15-d)$) – trong đó d là số buổi thảo luận/TH của học phần (khuyến nghị d lấy bằng N), học phần giảng dạy trong 15 buổi.
- Số tiết thảo luận, Thực hành môn học của HP (TL): b ($b=d \times N$)
- Số giờ sinh viên tự học: c (với $c=N \times 30$)

Các học phần thực hành ký hiệu kết cấu $N(0,b, c)$ được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: 0
- Số giờ thực tập: b ($b=60 \times N$)
- Số giờ chuẩn bị cá nhân: c ($c= N \times 30$)

Học phần thực tập cuối khóa ký hiệu kết cấu $N(0,b,0)$ được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: 0
- Số giờ thực tập: b ($b=60 \times N$)

8. Hướng dẫn thực hiện

8.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ❖ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- ❖ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ❖ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình: Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

8.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khóa học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
 - Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.
- Quy định thực hiện các học phần:
- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
 - Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

8.2.1 Kế hoạch giảng dạy dự kiến như sau:

T T	Tên học phần	Số lượng g TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 39 tín chỉ (chưa tính giáo dục thể chất và QP)							
1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.		13					
1	Triết học Mác-Lênin	3	33	24	TS. Bùi Thanh Thủy; ThS. Đinh Thị Cẩm Nhung	1	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18	TS. Bùi Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Trần Thị Hương	2	
3	CNXH Khoa học	2	21	18	ThS. Nguyễn Văn Bằng; TS. Bùi Thanh Thủy	3	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	ThS. Ngô Thị Mai; TS. Lê Thị Lý	4	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương	7	
6	Pháp luật đại cương	2	26	8	ThS. Hà Diệu Hằng; ThS. Trần Thị Thu Hằng	1	
1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản							
1	Đại số tuyến tính	2	26	8	TS. Phạm văn Bằng; TS. Lê Xuân Huy	1	
2	Xác suất thống kê	3	36	18	TS. Trần Hoàng Yên Th.S Trần Chí Lê	1	
3	Quy hoạch tuyến tính	2	26	8	Th.S Cao Thanh Xuân, Th.S Lê Lê Hằng	3	
1.3 Ngoại ngữ							
1	Tiếng Anh 1	4	48	24	TS Nguyễn Thị Thu Hà;	2	

					ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương		
2	Tiếng Anh 2	4	48	24	Th.S Lê Anh Thư; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương	3	
3	Tiếng Anh 3	4	48	24	TS Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Phạm Hồng Nhung	4	
4	Tiếng Anh 4	4	48	24	Th.S Vũ Việt Phương; Th.S Hoàng Thị Minh Lý	5	
1.4. Kiến thức bổ trợ tự chọn							
1	Kỹ năng nhận thức bản thân	1	15	0	TS Vũ Thị Nguyệt; ThS. Hồ Thị Phương; ThS. Nguyễn Duy Tường	3	
2	Kỹ năng nghề nghiệp - Bảo hiểm	1	15	0	TS. Vũ Thị Nguyệt; Th.S Hồ Thị Phương	5	
3	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	15	0	TS Vũ Thị Nguyệt; ThS. Hồ Thị Phương; ThS. Nguyễn Duy Tường	7	
1.5 Giáo dục thể chất		4	0	120			
1	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	Khoa GDTC	1	
2	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	Khoa GDTC	2	
3	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	Khoa GDTC	3	
4	Giáo dục thể chất 4	1	0	30	Khoa GDTC	4	
1.6 Giáo dục quốc phòng		8	70	104	Trung tâm GDQP AN	5	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 107 tín chỉ							
2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 23 tín chỉ.							
	<i>Kiến thức bắt buộc</i>						
	1.Kinh tế vi mô	2	26	8	Th.S Lê Kim Anh; Th.S Phạm Thị Thuỳ Linh	1	

					Th.S Nguyễn Thị Thu Trang		
	2.Kinh tế vĩ mô	2	26	8	Th.S Phương Mai Anh; Th.S Trần Tuệ An;	2	
	3. Luật kinh tế	2	26	8	Th.S Phạm Thị Ngoan Th.S Nguyễn Thụy Phương	2	
	4.Lý thuyết hạch toán kế toán	3	39	12	TS Hoàng Thị Phương Lan; TS Hoàng Thu Hiền	2	
	5.Kế toán doanh nghiệp	3	39	12	TS Hoàng Thị Phương Lan; TS Hoàng Thu Hiền	3	
	6.Tài chính - Tiền tệ	3	39	12	Th.S Nguyễn Thị Hệ Th.S Trần Thị Thùy Linh	2	
	7. Nguyên lý bảo hiểm	3	39	12	Th.S Phạm Đức Tài Th.S Ngô Hoài Nam	3	
	8.Nguyên lý thống kê	2	26	8	Th.S Trần Thị Thanh Hoa Th.S Trần Tuấn Anh	1	x
	9.Quản trị doanh nghiệp	3	39	12	TS Nguyễn Thị Chi ThS Trần Mạnh Hùng	2	x

2.2. Kiến thức chung của ngành: 31 tín chỉ

<i>Các học phần bắt buộc</i>		54					
	1.Tài chính doanh nghiệp 1	3	39	12	TS.Phùng Thị Lan Hương Th.S Trần Thị Thùy Linh	3	
	2.Tiểu luận 1	2	0	120	Th.S Trương Thị Thảo Th.S Đoàn Phương Ngân	3	
	3.Ngân hàng thương mại	3	39	12	Th.S Đỗ Thị Thu Quỳnh Th.S Phạm Thị Phương Thảo Th.S Nguyễn Thị Thanh Thúy	4	
	4.Thực tập: Tài chính doanh nghiệp 1	3	0	90	Th.S Phạm Thị Ngọc Mai Th.S Nguyễn Ngọc Anh	4	

	5.Thực tập: Ngân hàng thương mại	3	0	90	Th.S Đỗ Thị Thu Quỳnh Th.S Phạm Thị Phương Thảo	5	
	6.Thị trường chứng khoán	3	39	12	Th.S Nguyễn Thị Bích Ngọc Th.S Ngô Thanh Loan	6	
	7.Đầu tư tài chính	3	39	12	TS.Đường Thị Thanh Hải Th.S Vũ Thành Long	4	
	8.Tài chính quốc tế	3	39	12	Th.S Phạm Thị Diệu Phúc Th.S Lê Minh Trang	7	
	9.Định giá tài sản	3	39	12	Th.S Đỗ Thị Kim Thu Th.S Trương Ngọc Chân	6	
	10.Tài chính công	3	39	12	Th.S Nguyễn Ngọc Hải TS.Trần Đức Cân	4	
	11.Tiểu luận 2 (Kiến tập doanh nghiệp)	2	0	120	TS.Phùng Thị Lan Hương Th.S Trần Thị Thùy Linh	7	

2.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 39 tín chỉ

	1.Bảo hiểm nhân thọ	3	39	12	Th.S Trần Xuân Huy Th.S Trần Thị Ngọc Anh	5	
	2.Bảo hiểm thương mại	3	39	12	Th.S Nguyễn Thị Tình Th.S Phạm Thị Thu Hà	7	
	3.Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	3	39	12	Th.S Vũ Thanh Hương TS.Vũ Thị Thục Oanh	5	
	4. An sinh xã hội	3	26	8	Th.S Nguyễn Thị Quỳnh Trang Th.S Trần Thị Hoa	4	
	5.Bảo hiểm phi Nhân thọ	3	26	8	Th.S Nguyễn Thị Quỳnh Trang Th.S Trương Ngọc Chân	6	
	6.Bảo hiểm hàng hải	3	39	12	Th.S Lê Phương Hoa Th.S Nguyễn Hồng Yến	6	
	7.Bảo hiểm xã hội	3	39	12	Th.S Trần Thanh Phúc	6	

					Th.S Ngô Hoài Nam		
	8.Thực tập: Bảo hiểm xã hội	3	0	90	Th.S Trần Thanh Phúc Th.S Ngô Hoài Nam	7	
	9.Thực tập: Bảo hiểm hàng hải	3	0	90	Th.S Lê Phương Hoa Th.S Nguyễn Hồng Yến	7	
	10.Thực tập: Bảo hiểm nhân thọ	3	0	90	Th.S Trần Xuân Huy Th.S Trần Thị Ngọc Anh	6	
	11.Thực tập: Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	3	0	90	Th.S Vũ Thanh Hương TS.Vũ Thị Thục Oanh	7	
	12.Tái bảo hiểm	3	39	12	Th.S Đặng Thu Trang Th.S Lê Minh Trang	7	
	13.Quản trị rủi ro bảo hiểm	3	39	12	Th.S Đoàn Thị Nguyệt Th.S Đoàn Phương Ngân	8	
	Thực Tập Cuối Khóa	5	0	200	TS.Phùng Thị Lan Hương TS.Đặng Hương Giang, TS.Vũ Thị Thục Oanh, TS.Lê Nguyễn Diệu Anh. TS Đường Thị Thanh Hải	8	
	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	540	Tất cả các GV của khoa TCNH	8	
	5. Thẩm định tín dụng	3	39	12	Th.S Phạm Thị Ngọc Mai Th.S Lê Nguyễn Diệu Anh	8	
	6. Thị trường công cụ phái sinh	3	39	12	TS.Đặng Hương Giang Th.S Nguyễn Thị Mai	8	
	7. Định phí bảo hiểm	3	39	12	Th.S Vũ Thành Long Th.S Đỗ Thị Kim Thu	8	

8.2.2. Kế hoạch đào tạo toàn khóa dự kiến

Số TT	Học phần	Số tín chỉ
Học kỳ 1 (15 TC)		
1	Triết học Mác-Lênin	3

2	Đại số tuyến tính	2
3	Pháp luật đại cương	2
4	Giáo dục thể chất 1	1
5	Nguyên lý thống kê	2
6	Kinh tế vi mô	2
7	Xác suất thống kê	3
Học kỳ 2 (20 TC)		
8	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
9	Quản trị doanh nghiệp	3
10	Tiếng Anh 1	4
11	Giáo dục thể chất 2	1
12	Luật kinh tế	2
13	Lý thuyết hạch toán kế toán	3
14	Tài chính - Tiền tệ	3
15	Kinh tế vĩ mô	2
Học kỳ 3 (21 TC)		
16	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
17	Quy hoạch tuyến tính	2
18	Tiếng Anh 2	4
19	Kỹ năng nhận thức bản thân	1
20	Kế toán doanh nghiệp	3
21	Tài chính doanh nghiệp 1	3
22	Giáo dục thể chất 3	1
23	Tiểu luận 1	2
24	Nguyên lý bảo hiểm	3
Học kỳ 4 (22 TC)		
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
26	Tiếng Anh 3	4
27	Giáo dục thể chất 4	1
28	Đầu tư tài chính	3
29	Ngân hàng thương mại	3
30	Thực tập: Tài chính doanh nghiệp 1	3
31	An sinh xã hội	3
32	Tài chính công	3
Học kỳ 5 (22 TC)		
33	Kỹ năng nghề nghiệp - Bảo hiểm	1

34	Tiếng Anh 4	4
35	Giáo dục quốc phòng - HP1	3
36	Giáo dục quốc phòng - HP2	2
37	Giáo dục quốc phòng - HP3	1
38	Giáo dục quốc phòng - HP4	2
39	Thực tập: Ngân hàng thương mại	3
40	Bảo hiểm nhân thọ	3
41	Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	3
Học kỳ 6 (21 TC)		
42	Thị trường chứng khoán	3
43	Định giá tài sản	3
44	Bảo hiểm phi nhân thọ	3
45	Bảo hiểm hàng hải	3
46	Bảo hiểm xã hội	3
47	Thực tập: Bảo hiểm nhân thọ	3
48	Thực tập: Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	3
Học kỳ 7 (20 TC)		
49	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
50	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	1
51	Tiểu luận 2 (Kiến tập doanh nghiệp)	2
52	Tài chính quốc tế	3
53	Bảo hiểm thương mại	3
54	Tái bảo hiểm	3
55	Thực tập: Bảo hiểm xã hội	3
56	Thực tập: Bảo hiểm hàng hải	3
Học kỳ 8 (17 TC)		
	Module Tài chính doanh nghiệp	
57	Thực tập cuối khóa	5
58	Quản trị rủi ro bảo hiểm	3
59	Khóa luận tốt nghiệp	9
60	HPTT1: Thẩm định tín dụng	3
61	HPTT2: Thị trường công cụ phái sinh	3
62	HPTT3: Định phí bảo hiểm	3

8.3. Chế độ công tác giáo viên

- Căn cứ các quy định của Nhà nước: Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên cơ sở giáo dục đào tạo.

- Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ số 55/QĐ-ĐHKTKTCN ban hành ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

9. Đề cương chi tiết các học phần chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm

(Phụ lục đề cương chi tiết)

2.3. Bảng so sánh chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm với CTĐT ngành Bảo hiểm của các cơ sở đào tạo khác

So sánh CTĐT đề nghị mở với CTĐT tương ứng của 1 số trường

Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Kinh tế Bảo hiểm)			Đại học Lao động - Xã hội (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Hoa Sen (Ngành: Công nghệ Bảo hiểm)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	36	24,6%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	29	22,3%	1. Kiến thức cơ bản, nền tảng rộng			1. Kiến thức giáo dục đại cương	41	31,54 %
<i>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.</i>	<i>13</i>	<i>8,9%</i>	<i>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.</i>	<i>12</i>	<i>9,23%</i>	<i>1.1. Khoa học chính trị, pháp luật</i>	<i>13</i>	<i>10,74 %</i>	<i>1.1. Lý luận Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	<i>11</i>	<i>8,46%</i>
1. Triết học Mac-Lênin	3	2,05%	1. Triết học Mac-Lênin	3	2,31%	1. Triết học Mác - Lênin	3	2,48%	1. Triết học Mác - Lênin	3	2,31%
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,37%	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,54%	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1,65%	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1,54%
3. CNXH Khoa học	2	1,37%	3. CNXH Khoa học	2	1,54%	3. Tư tưởng Hồ chí Minh	2	1,65%	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,54%
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,37%	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,54%	4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,65%	4. Tư tưởng Hồ chí Minh	2	1,54%
5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,37%	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,54%	5. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,65%	5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,54%
6. Pháp luật đại cương	2	1,37%	5. Pháp luật đại cương	2	1,54%	6. Pháp luật đại cương	2	1,65%	1.2 Khoa học xã hội	9	6,92%
<i>1.2. Kiến thức toán và</i>	<i>7</i>	<i>4,8%</i>	<i>1.2 Kiến thức toán và</i>	<i>8</i>	<i>6,15%</i>	<i>1.2. Khoa học tự nhiên</i>	<i>7</i>	<i>5,79%</i>	<i>1.2.1. Bắt buộc</i>	<i>3</i>	<i>2,31%</i>

khoa học cơ bản			khoa học cơ bản								
1. Đại số tuyến tính	2	1,37%	1. Toán cao cấp cho nhà kinh tế 1	3	2,31%	1.Toán cao cấp 1	2	1,65%	Pháp luật đại cương	3	2,31%
2. Xác suất thống kê	3	2,05%	2. Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	1,54%	2.Toán cao cấp 2	2	1,65%	1.2.2. Tự chọn: chọn 2 môn:	6	4,62%
3. Quy hoạch tuyến tính	2	1,37%	3.Toán cao cấp cho nhà kinh tế 2	3	2,31%	3.Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2,48%	Phương pháp học Đại học	3	2,31%
1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	16	10,9%	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	9	6,92%	1.3.Ngoại ngữ	8	6,61%	Triết học trong cuộc sống	3	2,31%
1. Tiếng Anh 1	4	2,7%	1. Ngoại ngữ	9	6,92%	1.Tiếng Anh cơ bản 1	2	1,65%	Kỹ năng truyền thông	3	2,31%
2. Tiếng Anh 2	4	2,7%				2.Tiếng Anh cơ bản 2	3	2,48%	Đạo đức nghề nghiệp	3	2,31%
3. Tiếng Anh 3	4	2,7%				3.Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	3	2,48%	Tư duy phản biện	3	2,31%
4. Tiếng Anh 4	4	2,7%							Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	3	2,31%
									Truyền thông đại chúng và xã hội	3	2,31%
									Tâm lý học	3	2,31%
									Xử lý khủng hoảng	3	2,31%
2. Kỹ năng bổ trợ	3	2,1%	2. Kỹ năng bổ trợ	3	2,31%	1.4 Tin học	4	3,31%	Luật an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu toàn cầu	3	2,31%
1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	0,7%	1. Tin học đại cương	3	2,31%	1.Tin học cơ bản 1	2	1,65%	1.3 Ngoại ngữ	15	11,54%

2. Kỹ năng nghề nghiệp - TCNH	1	0,7%				2.Tin học cơ bản 2	2	1,65%	Anh văn giao tiếp QT 4	5	3,85%
3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	0,7%							Anh văn giao tiếp QT 5	5	3,85%
									Anh văn giao tiếp QT 6	5	3,85%
									1.4 Tin học	3	2,31%
3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	107		3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88		2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			Tin học ứng dụng khối ngành kinh tế	3	2,31%
3.1 Kiến thức cơ sở ngành	23	15,7%	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	21		2.1. Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	12	9.91%	1.5 Thực tập nhận thức tại doanh nghiệp	3	2,31%
1.Kinh tế vi mô	2	1,37%	1. Kinh tế vi mô 1	3	2,31%	Kinh tế vi mô	3	2,48%			
2.Kinh tế vĩ mô	2	1,37%	2. Kinh tế vĩ mô 1	3	2,31%	Kinh tế vĩ mô	3	2,48%			
3.Pháp luật kinh tế	2	1,37%	3. Quản lý học 1	3	2,31%	Nguyên lý thống kê	2	1,65%	2.Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89	68,46 %
4.Lý thuyết hạch toán kế toán	3	2,05%	4.Nguyên lý kế toán	3	2,31%	Luật kinh tế	2	1,65%	2.1.Kiến thức cơ sở	39	30%
5.Kế toán doanh nghiệp	3	2,05%	5. Kinh tế lượng 1	3	2,31%	Marketing căn bản	2	1,65%	Kinh tế vi mô	3	2,31%
6.Tài chính - Tiền tệ	3	2,05%	6. Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	3	2,31%				Kinh tế vĩ mô	3	2,31%
9. Quản trị doanh nghiệp	3	2,05%	7. Quản trị kinh doanh 1	3	2,31%				Nguyên lý kế toán	3	2,31%
8. Nguyên lý thống kê	2	1,37%							Marketing căn bản	3	2,31%

3.2 Kiến thức ngành	31	21,2%	3.2. Kiến thức ngành	39		2.2. Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	18	14,88 %	Quản trị học	3	2,31%
			3.2.1. Kiến thức bắt buộc	27	20,8%	2.2.1. Các học phần bắt buộc	14	11,57 %	Nhập môn hệ thống thông tin quản lý	3	2,31%
7.Nguyên lý bảo hiểm	3	2,05%	2. Nguyên lý bảo hiểm	3	2,31%	Quản trị rủi ro	2	1,65%	Nhập môn kinh tế quốc tế	3	2,31%
2.Tiểu luận 1	2	1,37%				Nguyên lý bảo hiểm	2	1,65%	Quản trị nhân sự	3	2,31%
3.Ngân hàng thương mại	3	2,05%				Nguyên lý tiền lương	2	1,65%	Phân tích định lượng	3	2,31%
4.Thực tập: Tài chính doanh nghiệp 1	3	2,05%	3. Bảo hiểm thương mại 1	3	2,31%	Kinh tế đầu tư	2	1,65%	Tài chính doanh nghiệp	3	2,31%
5.Thực tập: Ngân hàng thương mại	3	2,05%	4. Bảo hiểm xã hội 1	3	2,31%	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	2	1,65%	Luật và đạo đức kinh doanh	3	2,31%
6.Thị trường chứng khoán	3	2,05%	5. Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	3	2,31%	Nhập môn an sinh xã hội	2	1,65%	Thốn kê trong kinh doanh	3	2,31%
			Quản lý bảo hiểm xã hội 1	3	2,31%	Nguyên lý kế toán 1	2	1,65%	Tài chính tiền tệ	3	2,31%
8.Tài chính quốc tế	3	2,05%	7. Tiếng anh ngành bảo hiểm	3	2,31%				2.2.Kiến thức ngành chính	41	31,54 %
9.Định giá tài sản	3	2,05%	8. Thống kê bảo hiểm	3	2,31%				2.2.1.Kiến thức chung ngành chính	24	18,46 %
14.Quản trị rủi ro bảo hiểm	3	2,05%	9. Quản trị rủi ro	3	2,31%				Nguyên lý bảo hiểm	3	2,31%
									Kế toán tài chính trong ngành bảo hiểm	3	2,31%

11. Tiểu luận 2 (Kiến tập doanh nghiệp)	2	1,37%	3.2.2. Kiến thức tự chọn	12	9,23%	2.2.2. Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)	4		Nhập môn toán tài chính	3	2,31%
			1. Xã hội học	2	1,54%	Kinh tế lượng	2	1,65%	Phân tích dữ liệu	3	2,31%
			2. Dân số và phát triển			Luật lao động			Nhập môn về công nghệ tài chính	3	2,31%
			3. Đạo đức và kinh doanh			Điều tra xã hội học			Định phí bảo hiểm	3	2,31%
			4. Kinh tế và quản lý công nghiệp	2	1,54%	Thẩm định dự án đầu tư	2	1,65%	Tái bảo hiểm	3	2,31%
			5. Kinh tế nông nghiệp			Thị trường chứng khoán			Quản trị rủi ro tài chính	3	2,31%
			6. Kinh tế thương mại						2.2.2. Kiến thức chuyên sâu ngành chính	17	13,08 %
1. Tài chính doanh nghiệp 1	3	2,05 %	7. Tài chính doanh nghiệp	2	1,54%	2.3. Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	57	47,11 %	Tự chọn bắt buộc: chọn 5 môn	15	11,54 %
10. Tài chính công	3	2,05 %	8. Tài chính công			2.3.1. Các học phần bắt buộc	37	30,57 %	1. Phương pháp định lượng trong tài chính	3	2,31%
			9. Kinh tế đầu tư			Tài chính bảo hiểm 1	2	1,65%	2. Tài chính tập đoàn đa quốc gia	3	2,31%
			10. Khu vực công và quản lý công	2	1,54%	Tài chính bảo hiểm 2	2	1,65%	3. Tài chính hành vi	3	2,31%
			11. Quản lý dịch vụ			Bảo hiểm phi nhân thọ 1	2	1,65%	4. Rủi ro, thông tin và	3	2,31%

			công						bảo hiểm		
			12.Quản lý chương trình và dự án			Bảo hiểm phi nhân thọ 2	2	1,65%	5.Thiết lập các mô hình tài chính	3	2,31%
			13.Quản trị nhân lực	2	1,54%	Bảo hiểm nhân thọ	2	1,65%	6.Các công cụ tài chính phái sinh	3	2,31%
			14.Quản trị chiến lược			Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	2	1,65%	7.Quản trị rủi ro doanh nghiệp	3	2,31%
			15.Marketing căn bản			Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	2	1,65%	8.Bảo hiểm nhân thọ	3	2,31%
			16.Mô hình toán kinh tế	2	1,54%	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2	1,65%	9.Bảo hiểm phi nhân thọ	3	2,31%
			17.Kinh tế lượng 2			Quản trị bảo hiểm xã hội	2	1,65%	10.Ứng dụng blockchain trong tài chính	3	2,31%
			18.Tin học ứng dụng			Bảo hiểm hưu trí	3	2,48%	Đề án ứng dụng công nghệ thông tin	2	1,54%
3.3. Kiến thức chuyên ngành	39	26,71 %	3.3. Kiến thức chuyên ngành	28	21,54 %	Bảo hiểm thất nghiệp	2	1,65%	2.3.Tốt nghiệp: Chọn 1 trong 2 hình thức	9	6,92%
			3.3.1. Kiến thức bắt buộc	24	18,46 %	Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội	3	2,48%	Khóa luận tốt nghiệp		6,92%
1.Bảo hiểm nhân thọ	3	2,05 %				Phân tích tài chính bảo hiểm	3	2,48%	Thực tập tốt nghiệp		6,92%
2.Bảo hiểm thương mại	3	2,05 %	1.Bảo hiểm thương mại 2	3	2,31%	Bảo hiểm y tế	2	1,65%			

3.Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	3	2,05 %	2.Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2			Tin học chuyên ngành 1	2	1,65%			
4.An sinh xã hội và luật an sinh xã hội	3	2,05 %	An sinh xã hội	3	2,31%	Thống kê bảo hiểm	2	1,65%			
			3.Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	1,54%	Tin học chuyên ngành 2	2	1,65%			
6.Bảo hiểm phi Nhân thọ	3	2,05 %	4.Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm	3	2,31%						
7.Bảo hiểm hàng hải	3	2,05 %	5.Chuyên đề Quản trị rủi ro trong DN bảo hiểm	3	2,31%	2.3.2. Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)	10	8,26%			
8.Bảo hiểm xã hội	3	2,05 %	6.Tái bảo hiểm	3	2,31%	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	2	1,65%			
9.Thực tập: Bảo hiểm xã hội	3	2,05 %	7.Phân tích kinh doanh bảo hiểm	3	2,31%	Quản lý thu khối doanh nghiệp					
10.Thực tập: Bảo hiểm hàng hải	3	2,05 %	8.Giám định bảo hiểm	2	1,54%	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	2	1,65%			
11.Thực tập: Bảo hiểm nhân thọ	3	2,05 %	9.Đề án môn học – kinh tế bảo hiểm	2	1,54%	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội					
12.Thực tập: Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	3	2,05 %	3.3.2. Kiến thức tự chọn	4	3,08%	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	3	2,48%			
13.Tái bảo hiểm	3	2,05 %	1.Chuyên đề Bảo hiểm thương mại	2	1,54%	Giám định bảo hiểm y tế					
7.Đầu tư tài chính	3	2,05	2.Đầu tư trong bảo			Định phí bảo hiểm					

		%	hiểm								
Thực Tập Cuối Khóa	5	3,42 %	3.Giao dịch và đàm phán kinh doanh			Giám định bồi thường bảo hiểm	2	1,65%			
Khóa luận tốt nghiệp	9	6,16 %	4.Chuyên đề Bảo hiểm tiền gửi	2	1,54%	Quản lý đại lý bảo hiểm					
HPTT1: Thẩm định tín dụng	3	2,05 %	5.Phân tích tài chính			Tái bảo hiểm	2	1,65%			
HPTT2: Thị trường công cụ phái sinh	3	2,05 %	6.Chuyên đề Quản trị kinh doanh bảo hiểm			Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm					
HPTT3: Định phí bảo hiểm	3	2,05 %	Chuyên đề thực tập	10	7,69%	Thực tập cuối khóa	4	3,31%			
						Khóa luận tốt nghiệp	6	4,96 %			
						HPTT1: Đầu tư tài chính bảo hiểm	3	2,48%			
						HPTT2: Hoạch định hình sách bảo hiểm xã hội	3	2,48%			
Tổng tín chỉ CTĐT	14 6	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	130	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	12 1	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	13 0	100%

PHẦN 3. ĐỀ NGHỊ CAM KẾT VÀ THỰC HIỆN

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

<http://www.uneti.edu.vn>

<http://www.phongdaotao.uneti.edu.vn>

2. Đề nghị của đơn vị đào tạo:

Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm được xây dựng nhằm đáp ứng nguồn nhân lực trong thời kỳ cách mạng Công nghiệp 4.0. Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm được thiết kế đảm bảo mối liên hệ chặt chẽ giữa hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học đồng thời gắn liền với hoạt động học tập tại doanh nghiệp, giúp người học có thể vận dụng tốt kiến thức vào thực tiễn. Nhằm cung cấp kịp thời nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, với nguồn nhân lực và cơ sở vật chất hiện có đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình đào tạo. Khoa Tài chính ngân hàng đề nghị Nhà trường thông qua đề án mở ngành Bảo hiểm và cho phép tuyển sinh từ năm học 2022-2023.

3. Cam kết triển khai thực hiện.

Khoa Tài chính ngân hàng (đơn vị chủ trì mở ngành đào tạo) cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của Nhà trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo ngành mới, có tinh thần trách nhiệm cao với các nội dung đề xuất trong hồ sơ Đề án; triển khai các công tác xây dựng, biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo đúng thủ tục, theo quy định, hướng dẫn của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Hà nội, ngày....tháng....năm 2022

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên)

Nơi nhận:

- BGH, HDT;

- PDT, Khoa TCNH;

- Lưu: VT.

TS. Phùng Thị Lan Hương